

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 499/BC-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2018

**BÁO CÁO**

Kết quả thực hiện Nghị quyết số 113/2015/QH13 của Quốc hội về tiếp tục thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội Khóa XIII về hoạt động giám sát chuyên đề, hoạt động chất vấn và Nghị quyết số 63/2018/QH14 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội Khóa XIV

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ: ... S ...
Ngày: ... 16/10/18 ...

Kính gửi: Quốc hội.

Báo cáo về việc thực hiện Nghị quyết số 113/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 về tiếp tục thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội khóa XIII về hoạt động giám sát chuyên đề, hoạt động chất vấn và Nghị quyết số 63/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018 về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội Khóa XIV, đã được các Bộ, cơ quan ngang Bộ báo cáo chi tiết gửi tới Quốc hội. Chính phủ xin báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện 02 Nghị quyết này như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 113/2015/QH13 VỀ TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI KHÓA XIII VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ, HOẠT ĐỘNG CHẤT VẤN

1. Lĩnh vực xây dựng pháp luật

Công tác triển khai thi hành Hiến pháp tiếp tục được Chính phủ chỉ đạo sát sao, theo đó, Bộ, ngành, địa phương cũng đã thực hiện nghiêm túc. Để đảm bảo tiến độ, chất lượng xây dựng các dự án luật, Chính phủ đã đưa nội dung về xây dựng pháp luật vào chương trình các phiên họp thường kỳ hoặc tổ chức phiên họp chuyên đề xây dựng luật để xem xét, cho ý kiến đối với các dự án luật, dự thảo nghị quyết. Tại các phiên họp thường kỳ từ đầu năm đến nay, Chính phủ đã xem xét, cho ý kiến đối với 17 dự án luật, dự thảo nghị quyết. Đặc biệt, trong tháng 7 và tháng 8 năm 2018, Chính phủ đã tổ chức 02 Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật để xem xét, cho ý kiến đối với 05 dự án luật. Trong quá trình soạn thảo các dự án luật, dự thảo nghị quyết, cơ quan chủ trì soạn thảo đã cố gắng quy định cụ thể, hạn chế luật khung, xác định rõ những nội dung giao quy định chi tiết; trường hợp có nội dung giao quy định chi tiết, khi trình dự án luật, dự thảo nghị quyết, một số dự án đã trình kèm theo dự thảo văn bản quy định chi tiết.

Triển khai nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc, kiểm soát chặt chẽ việc xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các

luật, nghị quyết được thông qua, đồng thời có biện pháp bảo đảm tiến độ, chất lượng văn bản, không bỏ sót nội dung được giao. Năm 2018, Chính phủ đã xây dựng, hoàn thiện, trình Quốc hội thông qua Nghị quyết về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019, điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018; trình Quốc hội thông qua 07 luật¹ và cho ý kiến 8 dự án luật khác², trong đó có nhiều dự án cụ thể hoá các Nghị quyết của Đảng tại Hội nghị lần thứ 5, thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khoá XII, cũng như nhằm tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động kinh doanh, như Luật Cảnh tranh, Luật sửa đổi các luật liên quan đến quy hoạch, Luật Công an nhân dân (sửa đổi).

Tại các Phiên họp Chính phủ thường kỳ cũng như Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật, Thủ tướng Chính phủ đã tổ chức kiểm điểm công tác triển khai thi hành luật, pháp lệnh, ban hành văn bản quy định chi tiết, nêu tên và nhắc nhở các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ để xảy ra tình trạng nợ văn bản, đưa nội dung này vào nghị quyết phiên họp và yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quan tâm, trực tiếp chỉ đạo công tác thể chế, tập trung nguồn lực cho soạn thảo, trình, ban hành, bảo đảm về tiến độ và chất lượng văn bản; đề cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, thường xuyên kiểm tra, kiểm điểm rõ trách nhiệm và có hình thức xử lý nghiêm minh, kịp thời tình trạng chậm tiến độ và không bảo đảm chất lượng văn bản.

Thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tư pháp hàng năm ban hành Quyết định phân công Lãnh đạo Bộ trực tiếp chỉ đạo việc thẩm định đối với từng văn bản. Tất cả các đề nghị và dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết do Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội được Bộ Tư pháp thành lập Hội đồng thẩm định. Công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật đã được tăng cường đẩy mạnh, tập trung kiểm tra theo thẩm quyền đối với văn bản quy phạm pháp luật do các Bộ, cơ quan ngang Bộ và chính quyền cấp tỉnh ban hành, nhất là các văn bản liên quan trực tiếp, rộng rãi đến quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp, môi trường đầu tư kinh doanh (trong đó đã tiến hành kiểm tra đối với 129 văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh đã được Quốc hội thông qua trong nhiệm kỳ khóa XIII thuộc thẩm quyền kiểm tra của Bộ Tư pháp).

¹ (1) Luật Quốc phòng; (2) Luật An ninh mạng; (3) Luật Tố cáo; (4) Luật Cảnh tranh; (5) Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; (6) Luật Đo đạc và Bản đồ; và (7) Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược, Luật An toàn thực phẩm, Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá, Luật Điện lực, Luật Hóa chất, Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Luật Khoa học và công nghệ, Luật Trẻ em, Luật Công chứng, Luật Đầu tư và Luật Đầu tư công.

² (1) Luật Phòng, chống tham nhũng (sửa đổi); (2) Luật Công an nhân dân (sửa đổi); (3) Luật Chăn nuôi; (4) Luật Trồng trọt; (5) Luật Đặc xá (sửa đổi); (6) Luật Cảnh sát biển Việt Nam; (7) Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục; (8) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học. Biểu quyết tán thành việc chưa trình Quốc hội thông qua dự án Luật Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt tại kỳ họp thứ 5 sau khi cho ý kiến lần thứ 2 về dự án Luật này.

2. Lĩnh vực tài chính, thương mại, doanh nghiệp nhà nước

Ngày 19 tháng 02 năm 2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 339/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020 và Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 19 tháng 6 năm 2013 về một số nhiệm vụ cần triển khai trong 3 năm 2013-2015 nhằm thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020. Ngày 01 tháng 12 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án "Tái cơ cấu ngành Công Thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030". Tập trung nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của ngành, phát triển công nghiệp với cơ cấu hợp lý theo ngành và lãnh thổ; đẩy mạnh triển khai chương trình hành động thực hiện Chiến lược Xuất nhập khẩu hàng hoá thời kỳ 2011-2020, định hướng đến năm 2030; xây dựng chiến lược tổng thể phát triển thị trường trong nước giai đoạn tới năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 để xác định hướng cơ bản cho phát triển thị trường nội địa phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam; hoàn thiện chính sách, luật pháp về mở cửa thị trường dịch vụ phân phối theo hướng minh bạch và nhất quán.

Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật trong lĩnh vực thị trường tài chính nhằm xây dựng, hoàn thiện và vận hành có hiệu quả thị trường tài chính, thúc đẩy thị trường phát triển lành mạnh, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể tham gia hoạt động trên thị trường, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giám sát đối với thị trường. Theo đó, thị trường tài chính đã có bước phát triển tích cực trong thời gian qua, thị trường vốn đã trở thành kênh huy động vốn trung và dài hạn của nền kinh tế, xây dựng thị trường trái phiếu Chính phủ trở thành thị trường chuẩn để phát triển thị trường tài chính gắn với việc tái cơ cấu danh mục nợ trái phiếu Chính phủ; thị trường bảo hiểm đa dạng hơn và đáp ứng được phần lớn nhu cầu người tham gia bảo hiểm, tăng cường khối lượng vốn đầu tư trở lại nền kinh tế.

Tình hình cổ phần hóa doanh nghiệp, lũy kế 8 tháng đầu năm 2018, có 10 doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa, với tổng giá trị doanh nghiệp là 29.524 tỷ đồng, trong đó giá trị vốn nhà nước là 15.271 tỷ đồng. Tổng vốn điều lệ theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt là 18.272 tỷ đồng; trong đó nhà nước nắm giữ 11.158 tỷ đồng (61%), bán cho nhà đầu tư chiến lược 2.289 tỷ đồng (13%), đấu giá công khai 4.733 tỷ đồng (26%), số còn lại bán cho người lao động là 82 tỷ đồng (0,45%) và tổ chức công đoàn 5 tỷ đồng (0,03%). Tình hình thoái vốn, lũy kế 8 tháng đầu năm 2018, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước đã thoái được 2.463 tỷ đồng, thu về 6.629 tỷ đồng, trong đó thoái vốn tại 5 lĩnh vực nhạy cảm là 1.122 tỷ đồng, thu về 1.435 tỷ đồng; thoái vốn tại các lĩnh vực khác được 1.129 tỷ đồng, thu về 2.548 tỷ đồng; SCIC thực hiện thoái vốn tại 8 doanh nghiệp với giá trị 212 tỷ đồng, thu về 2.644 tỷ đồng.

3. Lĩnh vực khoa học công nghệ

Trong những năm qua, công tác phát triển thị trường khoa học và công nghệ luôn là một trong những nhiệm vụ được Bộ Khoa học và Công nghệ quan tâm, chú trọng. Cơ chế chính sách để hỗ trợ việc phát triển thị trường khoa học và công nghệ ngày càng được hoàn thiện, Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ³, Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước⁴ và các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo tại các văn bản mới được ban hành⁵.

Bên cạnh đó, công tác xây dựng cơ chế, chính sách phát triển khoa học và công nghệ để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn cũng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của ngành khoa học và công nghệ. Việc ứng dụng khoa học và công nghệ trong nông nghiệp đã góp phần thay đổi cơ cấu sản xuất của lĩnh vực này. Doanh nghiệp đã liên kết với nông dân để tạo thành vùng sản xuất nguyên liệu, tạo cánh đồng mẫu lớn, điển hình như Tập đoàn Lộc Trời, VinEco đã xây dựng những cánh đồng lớn sản xuất chuyên canh, sử dụng công nghệ cao trong canh tác, cơ khí hóa trong khâu thu hoạch, bảo quản chế biến. Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hiệp hội Nông nghiệp hữu cơ Việt Nam xây dựng, soát xét các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về nông nghiệp hữu cơ. Trong năm 2018, các TCVN về sản phẩm nông nghiệp hữu cơ (tôm hữu cơ, gạo hữu cơ, chè hữu cơ, sữa hữu cơ...) sẽ tiếp tục được xây dựng, công bố. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) về an toàn thực phẩm theo hướng ưu tiên hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn của các nước là thị trường xuất nhập khẩu chính; hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn quản lý hệ thống tiên tiến, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

4. Lĩnh vực nông nghiệp

Thời gian qua, cơ chế chính sách và khung pháp lý ngày càng được hoàn thiện, thu hút, tạo động lực cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

³ Hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, bảo đảm phân chia lợi ích từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu, hỗ trợ doanh nghiệp, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, cá nhân trong xác lập quyền sở hữu công nghiệp và công nhận, đăng ký lưu hành sản phẩm, công nghệ mới,....

⁴ Với các quy định mới về giao quyền sở hữu không thu hồi phần kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân chủ trì đối với nhiệm vụ mà Nhà nước hỗ trợ đến 30% tổng số vốn và các chương trình KH&CN theo Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ

⁵ Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) năm 2017, Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 và Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 hướng dẫn chi tiết các nội dung của Luật Hỗ trợ DNNVV; Thông tư số 01/2018/TT-BKH&CN ngày 12/4/2018 quy định quản lý Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia đến năm 2025" (Đề án 844).

Giai đoạn 2016 - 2018, Chính phủ đã trình Quốc hội ban hành 05 Luật⁶, ban hành mới, sửa đổi, bổ sung 27 Nghị định; Thủ tướng Chính phủ ban hành, sửa đổi, bổ sung 10 Quyết định; nhiều chính sách thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được xây dựng và ban hành, như chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 thay thế Nghị định số 210/2013/NĐ-CP), chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 sửa đổi Nghị định số 55/2015/NĐ-CP), chính sách bảo hiểm nông nghiệp (Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2018), chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong hợp tác, liên kết sản xuất quy mô lớn (Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018), chính sách phát triển nông nghiệp công nghệ cao (Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2018); Chương trình tín dụng khuyến khích phát triển nông nghiệp cao, nông nghiệp sạch theo Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ.

Những năm gần đây, cơ cấu kinh tế nông nghiệp đã có sự chuyển dịch tích cực theo hướng tăng nhanh giá trị sản xuất các lĩnh vực có lợi thế hoặc thâm dụng tài nguyên thấp; chuyển mục tiêu phấn đấu từ số lượng sang chất lượng và giá trị gia tăng. Từ năm 2016 - 2017, tốc độ tăng GDP ngành đạt bình quân 2,13%/năm, thấp hơn năm 2015 (đạt 2,41%) và thấp hơn mục tiêu đề ra; 9 tháng đầu năm 2018, tăng trưởng ngành đạt 3,65% (là mức tăng cao nhất từ năm 2012 đến nay); dự báo, cả năm 2018 đạt khoảng 3,4% và 02 năm 2019 - 2020 đạt khoảng 3 - 3,1%/năm. Như vậy tốc độ tăng trưởng GDP bình quân toàn ngành 5 năm 2016 - 2020 ước đạt khoảng 2,7-2,8%/năm. Tuy nhiên, do sản xuất nông nghiệp nước ta còn những yếu kém nội tại của một nền sản xuất nhỏ, trình độ thấp, khả năng cạnh tranh thấp; biến đổi khí hậu gây nên nhiều hình thái thời tiết cực đoan, dị thường (bão, lũ, lụt, hạn hán, xâm nhập mặn); dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi tiềm ẩn nhiều rủi ro, khó lường, cạnh tranh quốc tế trong bối cảnh Việt Nam hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới ngày càng gay gắt nên tăng trưởng ngành chưa thật vững chắc và còn bộc lộ những hạn chế, yếu kém. Mặc dù, toàn ngành đã tích cực triển khai chủ trương cơ cấu lại ngành gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn mới, thực hiện nhiều giải pháp đẩy mạnh sản xuất kinh doanh nhưng kết quả tăng trưởng vẫn thấp hơn so với kế hoạch đề ra.

Để tăng cường công tác giám sát, đánh giá quá trình thực hiện và kết quả của cơ cấu lại ngành nông nghiệp, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 678/QĐ-TTg ngày 19 tháng 5 năm 2017 về Bộ Tiêu chí giám sát đánh giá cơ cấu lại ngành nông nghiệp đến năm 2020 (gồm 15 tiêu chí). Các tiêu chí phản ánh kết quả của mục tiêu cơ cấu lại theo 3 trụ cột về kinh tế, xã hội và môi trường. Bộ Tiêu chí được ban hành nhằm mục đích thống nhất phương pháp đánh giá kết quả, giám sát quá trình thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp từ Trung ương đến địa phương.

⁶ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14; Luật Thủy sản số 18/2017/QH14; Luật Trồng trọt; Luật Chăn nuôi (sẽ trình thông qua tại kỳ họp 6).

Đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị phù hợp và hiệu quả hơn, các hợp tác xã được tổ chức lại và thành lập mới theo Luật Hợp tác xã, có sự tăng nhanh trong 3 năm gần đây, thành lập nhiều hợp tác xã với doanh nghiệp làm nòng cốt, phát triển các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; tính đến hết tháng 9 năm 2018, cả nước có 39 liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp, 13.006 hợp tác xã. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt và triển khai thực hiện Đề án phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả giai đoạn 2017 - 2020 (Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27 tháng 4 năm 2018). Triển khai thực hiện thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, 13 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đã lựa chọn 176 mô hình hợp tác xã thí điểm (có 93 hợp tác xã chuyên ngành lúa gạo, 48 hợp tác xã chuyên ngành trái cây, 32 hợp tác xã chuyên ngành thủy sản, 03 hợp tác xã lúa gạo - thủy sản).

Về tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, liên kết 4 nhà, đã triển khai thí điểm mô hình chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản doanh nghiệp - hợp tác xã - hộ nông dân đối với lúa gạo và mía đường. Trong đó, đối với mía đường được thực hiện tại 5 tỉnh Gia Lai, Thanh Hóa, Khánh Hòa, Hậu Giang, Sơn La; đối với lúa gạo được thực hiện tại 4 tỉnh Nam Định, Thanh Hóa, Đắk Lắk, Lào Cai. Việc liên kết sản xuất theo chuỗi, trong đó hợp tác xã đóng vai trò đầu mối đã thể hiện được hiệu quả thiết thực trong tổ chức sản xuất, nâng cao hiệu quả, giá trị sản phẩm nông nghiệp hiện nay, giúp cho doanh nghiệp giảm đầu mối liên kết, tích tụ được ruộng đất, sản xuất tập trung, áp dụng tối đa cơ giới hóa, góp phần giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 đã giao các Bộ, ngành Trung ương chủ động tham mưu xây dựng và hoàn thiện trình Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành theo thẩm quyền 03 Nghị quyết, 07 Nghị định, 32 Quyết định, Chỉ thị và các văn bản hướng dẫn, góp phần hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình giai đoạn 2016 - 2020. Đến nay, hệ thống khung pháp lý và các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình đã hoàn thành, tạo điều kiện thuận lợi để các địa phương chủ động triển khai thực hiện Chương trình. Ngày 05 tháng 6 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020, quy định xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu phải là xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và đáp ứng được 04 nhóm tiêu chí: Sản xuất - Thu nhập - Hộ nghèo, Giáo dục - Y tế - Văn hóa, Môi trường, An ninh trật tự - Hành chính công. Hiện nay, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương có liên quan hướng dẫn 04 huyện (huyện Hải Hậu - tỉnh Nam Định, huyện Nam Đàn - tỉnh Nghệ An, huyện Đơn Dương - tỉnh Lâm Đồng và huyện Xuân Lộc - tỉnh Đồng Nai) lập Đề án thí điểm xây dựng huyện nông thôn mới kiểu mẫu. Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ cũng chỉ đạo cần khắc phục tình trạng

xây dựng nông thôn mới chưa đồng đều, còn khoảng cách lớn giữa các địa phương và vùng, miền.

5. Lĩnh vực ngân hàng

Nghiệp vụ thị trường mở được điều hành linh hoạt, chủ động để điều tiết vốn khả dụng và kiểm soát tiền tệ, giữ ổn định các loại tỷ lệ dự trữ bắt buộc tạo điều kiện linh hoạt cho điều hành các công cụ chính sách tiền tệ, góp phần ổn định thị trường, lãi suất, tỷ giá.

Trong hơn 8 tháng đầu năm, mặt bằng lãi suất về cơ bản được tiếp tục duy trì ổn định trong điều kiện lãi suất các nước trên thế giới đang tăng lên. Kết quả đạt được từ sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tập trung điều hành đồng bộ, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ, trong đó tập trung thực hiện điều tiết thanh khoản thị trường liên ngân hàng ổn định, lãi suất liên ngân hàng ở mức hợp lý để hỗ trợ ổn định tỷ giá, kiểm soát lạm phát, tạo điều kiện ổn định mặt bằng lãi suất của các tổ chức tín dụng. Những tháng đầu năm, tỷ giá và thị trường ngoại tệ tương đối ổn định. Từ cuối tháng 6, tỷ giá có diễn biến tăng và thiết lập mặt bằng mới do áp lực từ những biến động bất lợi của kinh tế thế giới. Với các biện pháp điều hành quyết liệt và các thông tin thị trường bớt tiêu cực hơn, căng thẳng trên thị trường ngoại tệ đã giảm bớt, thanh khoản thị trường vẫn đảm bảo, các giao dịch ngoại tệ diễn ra thông suốt, các nhu cầu mua ngoại tệ hợp pháp được đáp ứng đầy đủ, kịp thời. Ngân hàng nhà nước Việt Nam mua ròng được lượng lớn ngoại tệ, bổ sung dự trữ ngoại hối nhà nước. Hoạt động của hệ thống tổ chức tín dụng tiếp tục đạt được những kết quả tích cực trong bối cảnh các chỉ số kinh tế vĩ mô được cải thiện. Huy động vốn và tín dụng tăng trưởng tốt, kết quả kinh doanh của toàn hệ thống có diễn biến khả quan hơn so với cùng kỳ năm trước và thanh khoản được duy trì ổn định.

Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội quy định một số chính sách thí điểm về xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu đã giúp các tổ chức tín dụng xử lý nợ xấu nhanh hơn, tạo điều kiện phát triển thị trường mua bán nợ, bảo đảm quyền chủ nợ hợp pháp, từ đó giúp hệ thống các tổ chức tín dụng phát huy tốt hơn vai trò cung ứng vốn cho nền kinh tế. Khuôn khổ pháp lý về cơ cấu lại và xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng đã được hoàn thiện một bước quan trọng, tạo sự đồng bộ, hiệu quả, khả thi, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, đảm bảo ổn định, an toàn, lành mạnh thị trường tài chính tiền tệ.

Nhằm nâng cao năng lực tài chính cho VAMC để bổ sung nguồn vốn mua nợ xấu theo giá thị trường theo lộ trình quy định tại Đề án 1058, Chính phủ đã chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoàn thiện và ban hành Đề án Cơ cấu lại và nâng cao năng lực của VAMC giai đoạn 2017-2020 và hướng tới năm 2022, Thủ tướng Chính phủ cũng đang xem xét chủ trương cấp vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2015 để bổ sung vốn điều lệ cho VAMC, nâng mức vốn điều lệ của VAMC lên mức 5.000 tỷ đồng.

Hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng được tăng cường nhằm phát hiện, ngăn ngừa và xử lý kiên quyết các rủi ro, tồn tại và vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng. Công tác giám sát tiếp tục được đổi mới và tăng cường trên cơ sở nâng cao khả năng cảnh báo sớm các rủi ro; tiếp tục hoàn thiện, triển khai các công cụ, phương pháp giám sát mới gắn liền với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển cơ sở dữ liệu và hệ thống chỉ tiêu giám sát. Quản lý, thanh tra, giám sát chặt chẽ hoạt động cho vay các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro như bất động sản, chứng khoán, tiêu dùng; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng, hỗ trợ quá trình cơ cấu lại và xử lý nợ xấu.

6. Lĩnh vực phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại

Những năm qua, đặc biệt là trong giai đoạn 2011 - 2016 của nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật để quản lý, kiểm soát phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả đã có những bước hoàn thiện đáng kể. Trong đó, nhiều văn bản quy phạm pháp luật quan trọng trong lĩnh vực này đã được nghiên cứu, xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung và ban hành để đi vào thực thi, đã nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý, kiểm soát phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả tại Việt Nam.

Đối với cơ sở dữ liệu thông tin quốc gia về buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả được cập nhật kịp thời các thông tin về tình hình thị trường, số liệu kiểm tra, xử lý trên Website của Ban Chỉ đạo 368 quốc gia phục vụ cho công tác theo dõi, tra cứu thông tin nghiệp vụ.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quy chế về trách nhiệm và quan hệ phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác đấu tranh phòng chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, đấu tranh chống các vi phạm pháp luật trong hoạt động thương mại trên thị trường nội địa, tập trung kiểm tra việc sản xuất, kinh doanh, vận chuyển trái phép hàng hóa trên thị trường nội địa; chú trọng kiểm tra, kiểm soát các lĩnh vực, mặt hàng thiết yếu tác động lớn đến kinh tế - xã hội, đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và quyền lợi người tiêu dùng như thuốc lá, rượu, gia súc gia cầm, phân bón, xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng, mỹ phẩm, dược phẩm, thực phẩm chức năng; an toàn thực phẩm; sản xuất, kinh doanh hàng giả, kém chất lượng; kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại; tăng cường công tác phối hợp, kiểm tra, kiểm soát thường xuyên tại các khu vực tập kết hàng hóa gần biên giới, các chợ đầu mối, các tuyến đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường biển, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các đối tượng buôn lậu, buôn bán hàng cấm, hàng nhập lậu, sản xuất và buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng và các hành vi gian lận thương mại.

7. Lĩnh vực an toàn thực phẩm

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật An toàn thực phẩm,

thay thế Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012. Ngày 23 tháng 3 năm 2018, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 19/NQ-CP về việc thực hiện thí điểm triển khai thanh tra chuyên ngành an toàn thực phẩm tại huyện, quận, thị xã và xã, phường, thị trấn của 7 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Mới đây nhất, ngày 04 tháng 9 năm 2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 115/2018/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm.

Để bảo đảm an toàn thực phẩm trên toàn quốc, các đoàn thanh tra, kiểm tra về việc bảo đảm an toàn thực phẩm đã được thành lập và tiến hành trong dịp Tết Trung thu, Tết Nguyên đán, Tháng hành động an toàn thực phẩm tại các tỉnh/thành phố. Sau mỗi đợt thanh tra, kiểm tra, đều có báo cáo tổng thể gửi Ban chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm theo quy định. Cơ quan truyền thông (đài truyền thanh, đài truyền hình, báo địa phương) thực hiện công tác truyền thông về đấu tranh chống buôn lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng, gian lận thương mại bảo đảm an toàn thực phẩm trong các dịp lễ, Tết.

8. Lĩnh vực tài nguyên môi trường

Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo tiếp tục thực hiện Quyết định số 577/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2013 phê duyệt Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, đã xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về môi trường làng nghề trong cả nước để kịp thời theo dõi, tổng hợp các thông tin có liên quan. Hiện nay, trên phạm vi cả nước có khoảng 5.400 làng nghề và làng có nghề, trong đó có khoảng 1.839 làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận. Tuy nhiên, sự phân bố và phát triển các làng nghề không đồng đều trên cả nước. Các làng nghề ở miền Bắc chiếm tỷ lệ lớn trên tổng số lượng làng nghề cả nước (chiếm khoảng 60%), trong đó tập trung nhiều nhất ở vùng đồng bằng sông Hồng; ở miền Trung chiếm khoảng 23,6% và ở miền Nam chiếm khoảng 14,6%. Đến nay, đã xác định được danh mục 160 làng nghề có nguy cơ ô nhiễm môi trường và ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cần theo dõi, giám sát chặt chẽ (trong đó có 91 làng nghề thuộc danh sách “nâu” - làng nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và 69 làng nghề thuộc danh sách “vàng” - làng nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường). Trên phạm vi cả nước, các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg và Quyết định số 1788/QĐ-TTg đã và đang được xử lý, đạt kết quả cơ bản. Tiến độ hoàn thành xử lý triệt để ô nhiễm môi trường, tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2018, đã có 404/439 cơ sở (theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg) hoàn thành xử lý triệt để, đạt tỷ lệ 92,03% (tăng 04 cơ sở so với năm 2017; 12 cơ sở so với năm 2016); đạt 230/366 cơ sở (theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg) cơ bản hoàn thành các biện pháp xử lý triệt để, đạt tỷ lệ 52,9% (tăng 21 cơ sở so với năm 2017; 59 cơ sở so với năm 2016), không còn ô nhiễm môi trường.

Đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích, xử lý triệt để nhằm dành nguồn lực ưu tiên xử lý ô nhiễm, qua đó thúc đẩy tiến độ xử lý đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích theo loại hình và vùng miền, ngày 03 tháng 7 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ

đã phê duyệt Quyết định số 807/QĐ-TTg thực hiện Chương trình mục tiêu xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng giai đoạn 2016 - 2020, trong đó đã bố trí kinh phí xử lý 30/76 bãi rác gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, các địa phương đã và đang tích cực chỉ đạo, xây dựng kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn.

Thủ tướng Chính phủ có Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2016 về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường đã quán triệt quan điểm “phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với bảo vệ và cải thiện môi trường, bảo đảm sự hài hoà giữa môi trường nhân tạo với môi trường thiên nhiên, giữ gìn đa dạng sinh học”, trong thời gian qua, các Bộ, ngành, địa phương đã yêu cầu các doanh nghiệp, cơ sở nghiêm túc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các khu vực tập trung nhiều nguồn thải như khu công nghiệp, làng nghề, khu vực dân cư, đã có chuyển biến nhất định. Hiện nay, cả nước có 228/283 khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung (chiếm 80%) (tăng 07 khu công nghiệp so với năm 2017, 63 cơ sở so với giai đoạn 2011 - 2015; đạt 91% chỉ tiêu của năm 2018⁷), 12 khu công nghiệp đang xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung (chiếm 4%), các khu công nghiệp còn lại đang xây dựng lộ trình đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung. Các hệ thống xử lý nước thải tập trung của các khu công nghiệp xử lý khoảng 71% lượng nước thải phát sinh. Trong số này, đã có 121 khu công nghiệp đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục đạt tỷ lệ trên 42%. Cả nước hiện có 587/1143 cụm công nghiệp được quy hoạch đã đi vào hoạt động, trong đó có 55 cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung (chiếm 9,7%) (tăng 04 cụm công nghiệp so với năm 2017).

Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo siết chặt quản lý việc nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu trong các ngành sản xuất có xu hướng tăng mạnh tác động trực tiếp làm ảnh hưởng xấu đến môi trường.

Để đảm bảo phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước các lưu vực sông nói chung, bên cạnh việc hoàn thiện việc xây dựng cơ chế chính sách về bảo vệ môi trường, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các nguồn thải và kịp thời có các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật. Trường hợp phát hiện vi phạm về bảo vệ môi trường, sẽ có xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt 08 quy hoạch khoáng sản, gồm: (1) Quy hoạch quặng sắt, (2) Quy hoạch quặng titan, (3) Quy hoạch quặng chì kẽm, (4) Quy hoạch quặng apatit, (5) Quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng, (6) Quy hoạch phát triển ngành than, (7) Quy hoạch quặng vàng - đồng - molipden, (8) Quy hoạch quặng thiếc - volfram - antimon; Bộ Công Thương phê duyệt 02 Quy hoạch: (1) Quy hoạch khoáng chất mica, pyrit, quazit, cericit, silimanit, (2) Quy hoạch than bùn. Hiện nay, Bộ Công Thương đã rà soát, bổ sung và dự thảo

⁷ Chỉ tiêu cả năm 2018 là 88%.

mới 03 quy hoạch: (1) Quy hoạch đá hoa trắng - caolan - fenspat - magnezit, (2) Quy hoạch nước khoáng và nước nóng thiên nhiên, (3) Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến quặng bauxit. Thủ tướng Chính phủ đang xem xét dự thảo Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035; đang xây dựng Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035; Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng chủ yếu đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035. Theo chỉ đạo của Thủ tướng tại Công văn số 4098/VPCP-CN ngày 05 tháng 5 năm 2018, các Quy hoạch trên sẽ được tổng hợp chung trong một Quy hoạch: “Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng”. Đối với Quy hoạch khoáng sản của các địa phương, về cơ bản đã được các địa phương bổ sung, sửa đổi theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010 (chủ yếu là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn, khoáng sản tại các khu vực đã được phê duyệt là khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ). Công tác tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản được rà soát quy định về hồ sơ, trình tự thủ tục hành chính trong cấp phép hoạt động khoáng sản và sửa đổi, bổ sung theo hướng rõ ràng, minh bạch từ khâu tiếp nhận, đơn giản hóa thủ tục cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường cho hộ kinh doanh; cấp phép khai thác khoáng sản trong diện tích xây dựng công trình; làm rõ quy trình và trách nhiệm trong các khâu thẩm định hồ sơ cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản; bổ sung hình thức tiếp nhận hồ sơ trực tuyến; xây dựng và chính thức đưa vào hoạt động hình thức tiếp nhận, giải quyết hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 từ tháng 6 năm 2017; đơn giản hóa nội dung các biểu mẫu báo cáo hoạt động khoáng sản; đơn giản hóa và liên thông thủ tục trong khâu kiểm tra, xác nhận cải tạo phục hồi môi trường với công tác phê duyệt, nghiệm thu Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

Trong 9 tháng đầu năm 2018, đã tiến hành thanh tra 34 cuộc thanh tra, kiểm tra (04 cuộc thanh tra theo kế hoạch, 21 cuộc thanh tra đột xuất và 09 cuộc kiểm tra) về khoáng sản, với kết quả: đã ban hành 51 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trong đó xử phạt do lỗi phát hiện trong thanh tra, kiểm tra (trực tiếp) là 26 Quyết định; xử phạt do lỗi không nộp hoặc nộp chậm báo định kỳ hoạt động khoáng sản (phạt nguội) là 25 Quyết định; tổng số tiền phạt của 51 Quyết định là 7.520 triệu đồng, trong đó, số tiền phạt do lỗi phát hiện trong thanh tra, kiểm tra (trực tiếp) của 26 Quyết định là 5.880 triệu đồng; số tiền phạt do lỗi không nộp hoặc nộp chậm báo định kỳ hoạt động khoáng sản (phạt nguội) của 25 Quyết định là 1.640 triệu đồng; khu vực miền Bắc phạt 700 triệu đồng do phát hiện qua thanh tra, kiểm tra, phạt nguội 05 tổ chức là 340 triệu đồng; khu vực miền Nam phạt 5.100 triệu đồng do phát hiện qua thanh tra, kiểm tra; phạt nguội 20 tổ chức là 1.300 triệu đồng; khu vực miền Trung phạt 80 triệu đồng do phát hiện qua kiểm tra.

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được Chính phủ phê duyệt; điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) cấp quốc gia đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 134/2016/QH13 ngày 09 tháng 4 năm 2016. Đến nay, Chính phủ đã có Nghị quyết phê duyệt điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) cho 55/63 tỉnh, còn 9/63 tỉnh chưa được phê duyệt (Đà Nẵng, Hải Dương, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Phước, Bến Tre, Cà Mau). Việc quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã có chuyển biến tích cực. Các địa phương đã kịp thời chỉ đạo xây dựng và phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện, lập danh mục các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất; nhiều địa phương đã chủ động rà soát đưa ra khỏi quy hoạch các công trình, dự án quá 3 năm không triển khai thực hiện. Việc công bố công khai theo Điều 48 Luật Đất đai và báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo Điều 50 Luật Đất đai cũng được các địa phương quan tâm thực hiện, dần dần đi vào nề nếp.

Thủ tướng Chính phủ đã có các chỉ đạo để địa phương tập trung thực hiện bằng nhiều biện pháp, tiếp tục tạo sự chuyển biến tích cực trong công tác cấp Giấy chứng nhận ở địa phương. Tính đến tháng 9 năm 2018, cả nước đã cấp được 43,8 triệu Giấy chứng nhận với tổng diện tích 23,5 triệu ha, đạt 97,2% diện tích các loại đất đang sử dụng phải cấp Giấy chứng nhận (diện tích cần cấp); trong đó có 5 loại đất chính của cả nước đã cấp được 42,8 triệu Giấy chứng nhận với tổng diện tích gần 23 triệu ha, đạt 97,1% diện tích sử dụng cần cấp với đất sản xuất nông nghiệp đạt 93,5% đất lâm nghiệp đạt 98,2%, đất nuôi trồng thủy sản đạt 86,4%, đất ở nông thôn đạt 96,2%, đất ở đô thị đạt 98,4% đất chuyên dùng đạt 87,2%, cơ sở tôn giáo đạt 83,6%. Có 26 tỉnh đạt tỷ lệ diện tích đã cấp Giấy chứng nhận trên 95% diện tích cần cấp. Về việc ngăn chặn, xử lý những tiêu cực trong quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, thời gian qua, Chính phủ đã có nhiều cố gắng về cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, cũng đã kiểm tra, thanh tra công vụ, xử lý nghiêm minh đối với các cá nhân, tổ chức có liên quan đến hiện tượng những nhiều, tiêu cực trong thực thi nhiệm vụ cấp Giấy chứng nhận.

9. Lĩnh vực di dân, trồng rừng

Công tác di chuyển các hộ dân đến nơi ở mới cơ bản đảm bảo tiến độ xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, trên tổng số có 196 dự án thủy lợi, thủy điện thuộc 36 tỉnh phải thực hiện di dân, tái định cư, với tổng số dân phải di chuyển là 81.339 hộ, năm 2017, đã tổ chức di chuyển an toàn cho khoảng 72.822/tổng số 81.339 hộ, đạt 89,5%. Các tỉnh đã cơ bản hoàn thành công tác bồi thường đất, tài sản trên đất và hỗ trợ tái định cư. Năm 2017, tổng số phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư được phê duyệt là 14.599 phương án, với tổng vốn được duyệt là 30.378 tỷ đồng, đạt 88% so với quy hoạch; giải ngân được 27.634 tỷ đồng,

đạt 91% tổng vốn đầu tư được duyệt. Các hộ tái định cư khi chuyển đến nơi ở mới cơ bản đã được giao đất ở, đất sản xuất theo quy định. Đến năm 2017, tổng diện tích đất đã giao tại các khu, điểm tái định cư khoảng 70.749 ha cho 48.496 hộ được giao đất, bao gồm: 66.749 ha đất nông nghiệp, 3.495 ha đất ở và đất vườn và 505 ha đất khác. Bình quân mỗi hộ tái định cư được giao 1,45 ha. Tuy nhiên, hiện vẫn còn hộ tái định cư của một số công trình thủy điện chưa được giao đủ đất theo chính sách quy định như Dự án thủy điện Huội Quảng, Bản Chát, Bản Vẽ, Đồng Nai 3, Thượng Kon Tum. Hiện nay, các địa phương đang tiếp tục thực hiện các giải pháp để hoàn thành giao đất cho các hộ tái định cư thiếu đất sản xuất. Đối với việc di dời dân ra khỏi nơi thường xuyên bị thiên tai, đã giải quyết cơ bản tình hình dân di cư tự do đến các vùng miền núi và trung du, việc triển khai nghiêm túc chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 đã góp phần hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra, hạn chế dân di cư tự do, các hộ dân di cư tự do được bố trí vào các điểm dân cư theo quy hoạch cơ bản được bố trí đủ đất ở, đất sản xuất theo quy định. Tuy nhiên, một số dự án còn thiếu đất sản xuất đang được các địa phương có các giải pháp để khắc phục.

Công tác trồng rừng thay thế đã được các Bộ, ngành, địa phương quan tâm thực hiện. Hầu hết các địa phương đã chấp hành nghiêm quy định của pháp luật về trồng rừng thay thế, tạo chuyển biến tích cực về ý thức bảo vệ rừng. Ở một số địa phương đã có sự vào cuộc quyết liệt của cấp ủy, chính quyền như Lai Châu, Nghệ An, Thanh Hóa. Một số địa phương đã chủ động, sáng tạo trong tổ chức trồng rừng thay thế thông qua việc sử dụng tiền trồng rừng thay thế do các chủ dự án nộp vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh để hỗ trợ trồng rừng sản xuất với đơn giá hỗ trợ bằng đơn giá hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (4-6 triệu đồng/ha). Bên cạnh đó, một số địa phương có diện tích trồng rừng thay thế lớn nhưng chưa hoàn thành, một số chủ dự án tại tỉnh Sơn La, Lào Cai, Phú Yên có biểu hiện chây ì, không thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế.

10. Lĩnh vực đào tạo nghề

Thực hiện Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Quy hoạch, Thủ tướng Chính phủ đã phân công Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoàn thiện “Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030”, là quy hoạch ngành quốc gia, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tiến hành rà soát, sắp xếp, tổ chức các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động nhằm giảm đầu mối, nâng cao hiệu quả hoạt động, khắc phục chồng chéo, dàn trải, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ; tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phát triển có hiệu quả sau sắp xếp.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp tích cực triển khai hiệu quả các hoạt động hợp tác quốc tế mang lại nhiều sự hỗ trợ có hiệu quả trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Hiện nay, Việt Nam đã và đang nhận được sự

hỗ trợ từ các đối tác chiến lược thông qua các Dự án về giáo dục nghề nghiệp từ các nguồn tài trợ quốc tế song phương của Chính phủ Pháp, Ý, Cộng hòa Liên bang Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc, và các tổ chức đa phương như Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Quỹ Dân số Liên hợp quốc. Hoạt động hợp tác về giáo dục nghề nghiệp đã ưu tiên tiếp cận các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong khu vực và quốc tế, tạo ra nhiều cơ hội học tập, bồi dưỡng và nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý, cán bộ, giáo viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thông qua các chuyến tham quan, học tập, nghiên cứu, hội nghị, hội thảo ở nước ngoài. Việc cử các đoàn được đi công tác nước ngoài luôn bám sát mục đích, yêu cầu chuyến đi, thành phần đoàn, đối tác đón, nội dung, chương trình làm việc cụ thể, không có sự trùng lặp với các đoàn đi trước.

Thủ tướng Chính phủ cũng chỉ đạo tập trung phát triển và hình thành hệ thống các Trung tâm Dịch vụ việc làm nhằm tăng cường kết nối cung - cầu lao động, rút ngắn thời gian tìm việc của người lao động, thời gian tuyển dụng của người sử dụng lao động, giảm tỷ lệ thất nghiệp thành thị, tăng tỷ lệ sử dụng thời gian của lao động nông thôn, góp phần tăng trưởng và giải quyết việc cho người lao động, 6 tháng đầu năm 2018 đã tư vấn hơn 500 phiên giao dịch việc làm, tư vấn giới thiệu làm cho gần 1,5 triệu lượt lao động, kết nối việc làm thành công cho 471.443 lượt lao động; xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu thị trường lao động tại Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội với nhiệm vụ cung cấp, kết nối thông tin thị trường lao động tới các địa phương; cơ sở dữ liệu cung - cầu lao động với khoảng 70 triệu người (tương đương 20 triệu hộ gia đình) và 400.000 doanh nghiệp; cơ sở dữ liệu và phần mềm bảo hiểm thất nghiệp để xử lý, giải quyết chế độ hưởng trợ cấp thất nghiệp cho người lao động thất nghiệp; kết nối Website của các Trung tâm Dịch vụ việc làm trên toàn quốc tại Cổng thông tin điện tử việc làm Việt Nam (vieclamvietnam.gov.vn) để thường xuyên đăng tải, chia sẻ thông tin việc làm trống của hơn 65.000 doanh nghiệp và thông tin tìm việc của hơn 35.000 người.

11. Lĩnh vực giáo dục

Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, sau khi xây dựng, dự thảo chương trình giáo dục phổ thông tổng thể đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử để xin ý kiến rộng rãi của các tầng lớp nhân dân, đồng thời gửi xin ý kiến các sở giáo dục và đào tạo, các trường đại học, trường cao đẳng sư phạm, các cơ quan, tổ chức và cá nhân. Chương trình giáo dục phổ thông mới được xây dựng theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi, trình độ và định hướng nghề nghiệp của học sinh; chuyển từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực; thực hiện một chương trình giáo dục phổ thông thống nhất nhưng mềm dẻo, linh hoạt; tăng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn; tích hợp cao ở các lớp học dưới và phân hoá dần ở các lớp học trên; chú trọng giáo dục đạo đức và giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật; tăng cường thời gian hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động xã hội. Chương trình môn học trong chương trình giáo dục phổ thông mới được

thực nghiệm tại 48 trường phổ thông thuộc 6 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đại diện 6 vùng kinh tế - xã hội trên phạm vi cả nước; mỗi tỉnh tiến hành thực nghiệm tại 3 trường tiểu học, 3 trường trung học cơ sở và 2 trường trung học phổ thông, kết quả thực nghiệm cho thấy hầu hết dự thảo các chương trình môn học phù hợp và khả thi với trình độ học sinh các trường tham gia thực nghiệm. Chương trình giáo dục phổ thông mới đã giảm tải so với chương trình hiện hành, thể hiện ở các điểm sau: giảm số môn học, giảm số giờ học, chọn lọc nội dung giáo dục thiết thực, đổi mới phương pháp giáo dục, tạo điều kiện để học sinh được lựa chọn môn học, chủ đề học tập và tăng cường các hoạt động thực hành.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn, quy định về giáo dục đạo đức, lối sống văn hóa, phòng chống bạo lực học đường nhằm xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; hướng dẫn thực hiện giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; rà soát, tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên vào trong các môn học chính khóa; tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống văn hóa cho học sinh; tăng cường an ninh, an toàn trường học, xây dựng văn hóa học đường và thực hiện nghiêm nề nếp, dân chủ, kỷ cương trong trường học; thực hiện hiệu quả công tác tư vấn tâm lý cho học sinh phổ thông; triển khai thực hiện Đề án Xây dựng văn hóa ứng xử trong các trường học; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa nhà trường, gia đình và địa phương trong quản lý, giáo dục học sinh; tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm.

12. Lĩnh vực y tế

Để tạo thuận lợi cho người bệnh đến khám chữa bệnh, các Bệnh viện đã tiến hành sắp xếp tổ chức một cách hợp lý các phòng nhận bệnh, phòng thu phí, phòng phát thuốc, phòng khám, các phòng thực hiện cận lâm sàng theo tuần tự và logic hệ thống một cửa. Tăng thêm bàn khám, nhân lực để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh trong giờ hành chính và những ngày cao điểm; bố trí cán bộ, nhân viên luôn túc trực, tận tình hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân. Tiếp tục đổi mới quan điểm, tư duy của nhân viên y tế về người bệnh, quản lý chất lượng dịch vụ y tế, chỉ đạo cán bộ, nhân viên y tế đổi mới quan điểm, tư duy về người bệnh và quản lý chất lượng, lấy "người bệnh làm trung tâm của hoạt động chăm sóc và điều trị", an toàn của người bệnh là số 1, quản lý và cải tiến chất lượng là nhiệm vụ mang tính "sống còn".

Thực hiện có hiệu quả các giải pháp về huy động vốn đầu tư trong và ngoài nước cho y tế; triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư, liên doanh liên kết góp phần phát triển kỹ thuật, nâng cao chất lượng, hiệu quả chẩn đoán và điều trị, phát hiện sớm, chính xác bệnh tật, giảm tỷ lệ tử vong; xây dựng cơ chế chính sách nhằm khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân; thực hiện có hiệu quả các giải pháp về huy động các nguồn vốn viện trợ nước ngoài.

Đã ban hành Chuẩn quốc gia về Trung tâm y tế huyện (2 chức năng), Tiêu chuẩn thiết kế cơ sở Trung tâm y tế huyện, trạm y tế xã và danh mục trang thiết bị y tế tuyến huyện và xã; xây dựng văn bản hướng dẫn về quy chế hoạt động của Ban Chăm sóc sức khỏe nhân dân thay cho Ban Chăm sóc sức khỏe ban đầu; các phòng khám bác sĩ gia đình bước đầu đã tham gia truyền thông phòng bệnh, vận động tiêm chủng.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra khám, chữa bệnh, xử lý nghiêm các cơ sở hành nghề y tư nhân hoạt động không phép hoặc giấy phép hết hiệu lực, trong đó tập trung kiểm tra các cơ sở khám chữa bệnh tư nhân có yếu tố nước ngoài.

13. Lĩnh vực viễn thông

Công tác theo dõi, định hướng, chỉ đạo thông tin, tuyên truyền kịp thời và có hiệu quả, các cơ quan thông tấn, báo chí, thông tin cơ sở đã đưa tin chính xác, toàn diện và kịp thời về tình hình chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, những vấn đề dư luận quan tâm, công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ. Thủ tướng Chính phủ cũng đã chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí, thông tin cơ sở tập trung thông tin, tuyên truyền về các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, nhất là Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2018 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2018; thông tin toàn diện về công tác bảo vệ chủ quyền biên giới, biển, đảo; phản ánh kịp thời về nhiều sự kiện lớn, trọng đại của đất nước và các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc; thông tin đầy đủ các vấn đề dân sinh, văn hóa, kinh tế, quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Tăng cường tuyên truyền, quảng bá về ASEAN, về đất nước, con người và văn hóa Việt Nam; Hội nghị Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) về ASEAN 2018 với chủ đề ASEAN 4.0: Tinh thần doanh nghiệp và Cách mạng công nghiệp 4.0, Đại hội các cơ quan kiểm toán tối cao Châu Á lần thứ 14 (ASOSAI 14). Làm tốt vai trò là kênh thông tin, cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân; góp phần định hướng dư luận và tạo sự đồng thuận xã hội; đồng thời phản bác hiệu quả những luận điệu sai trái của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

Công tác bảo đảm an toàn thông tin tiếp tục được đẩy mạnh, nỗ lực triển khai các giải pháp nhằm bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2018 về nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại, Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2018 phê duyệt Đề án Giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ Chính phủ điện tử đến năm 2020, định hướng đến 2025. Đã tiến hành giám sát an toàn thông tin trực tiếp trên 50 hệ thống/ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ Chính phủ điện tử quan trọng. Hoạt động giám sát phát hiện nhiều sự kiện khả nghi, phân tích trên 100 triệu sự kiện liên quan tấn công vào các hệ thống công nghệ thông tin phục vụ Chính phủ điện tử

(tăng 41% so với cùng kỳ năm 2017) để có cảnh báo và hỗ trợ kịp thời cho các đơn vị bị tấn công hoặc sự cố an toàn thông tin.

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 49/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2017 nhằm đưa ra các biện pháp quản lý Sim và tin nhắn rác có hiệu quả hơn, theo hướng vừa tạo điều kiện cho doanh nghiệp vừa tăng cường hơn trách nhiệm của doanh nghiệp. Kết quả đến nay, bên cạnh 38 triệu thuê bao phát triển mới có đầy đủ thông tin thuê bao, các nhà mạng đã thực hiện cập nhật, đăng ký lại thông tin cho hơn 40 triệu thuê bao thông tin còn thiếu hoặc chưa chính xác. Yêu cầu các doanh nghiệp viễn thông di động cam kết phối hợp, tăng cường ngăn chặn tin nhắn rác, số lượng tin nhắn rác chặn được trên tất cả các mạng của các doanh nghiệp viễn thông là gần 300 triệu. Trong 9 tháng đầu năm 2018, đã ghi nhận được 40.678 lượt phản ánh tin nhắn rác, giảm khoảng 47,5% so với cùng kỳ năm 2017. Lượng phản ánh tin nhắn rác về dịch vụ nội dung chiếm 43,5%, dịch vụ quảng cáo SIM số đẹp chiếm khoảng 0,9%, dịch vụ bất động sản chiếm 3,7% và các loại quảng cáo, rao vặt chiếm tỷ lệ khoảng 51,9%.

Phát triển hệ thống viễn thông triển khai đúng quy hoạch, kế hoạch, bảo đảm an toàn, hiện nay, công tác quy hoạch tổng thể hạ tầng viễn thông đang được triển khai theo Quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia đến năm 2020, đã được phê duyệt theo Quyết định số 32/2012/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ. Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông tập trung đầu tư xây dựng, hiện đại hóa hệ thống hạ tầng viễn thông trong nước và kết nối quốc tế: hợp tác đầu tư xây dựng và mở rộng các tuyến cáp quang biển đi quốc tế như APG, AAE1; khai thác vệ tinh Vinasat1 và Vinasat2; mở rộng vùng phủ sóng và nâng cao chất lượng mạng 3G; nghiên cứu, triển khai công nghệ vô tuyến băng rộng 3G/4G trên băng tần 900/1800MHz.

14. Lĩnh vực du lịch

Phát triển du lịch Việt Nam theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm là định hướng quan trọng trong Chiến lược và Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam. Chính phủ đã quan tâm, tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch, tổ chức triển khai thực hiện nhiều nhiệm vụ, trọng tâm để đẩy mạnh phát triển du lịch theo hướng tăng cường tính chuyên nghiệp, hiện đại để nâng cao khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế. Ngành du lịch đã tích cực phối hợp với các ngành, cơ quan liên quan triển khai nhiều nhiệm vụ, phối hợp với các ngành công an, ngoại giao đẩy mạnh thực hiện cấp thị thực điện tử cho khách quốc tế và đề xuất mở rộng diện được cấp để tạo điều kiện thuận lợi cho khách quốc tế đến Việt Nam; phối hợp chặt chẽ với ngành hàng không trong công tác xúc tiến, quảng bá du lịch tại các hội chợ quốc tế và mở thêm các tuyến đường bay, tăng cường tần suất chuyến bay để tăng năng lực vận chuyển khách, kết nối với các thị trường du lịch trọng điểm; chủ động phối hợp với các ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo ban hành các tiêu chuẩn, quy định đào tạo nghề du lịch phù hợp với trình độ quốc tế để từng bước nâng cao trình độ nguồn nhân lực du lịch; trong 9 tháng đầu năm 2018 đã phối hợp

với các địa phương tổ chức 04 Hội nghị xúc tiến, thu hút đầu tư thành công, tạo hiệu ứng tích cực kêu gọi sự quan tâm của các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào lĩnh vực du lịch, đặc biệt là các nhà đầu tư chiến lược.

Thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 103/2017/NQ-CP, trong đó tập trung triển khai 05 đề án trọng tâm: cơ cấu lại ngành du lịch; thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch; ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực du lịch; Nâng cao hiệu quả xúc tiến quảng bá du lịch; xây dựng Chiến lược phát triển du lịch đến năm 2030.

Năm 2018, ngành du lịch phấn đấu duy trì đà tăng trưởng, theo đó phân đầu đón 16 triệu lượt khách quốc tế (tăng 24% so với năm 2017), phục vụ 80 triệu lượt khách du lịch nội địa (tăng 9% so với năm 2017) và tổng thu từ khách du lịch đạt 620.000 tỷ đồng (tăng 21% so với năm 2017). Kết quả thực hiện 9 tháng năm 2018 cho thấy tốc độ tăng trưởng của ngành du lịch tiếp tục được duy trì ở mức cao, đón được 11,6 triệu lượt khách du lịch quốc tế (tăng trưởng khoảng 30% so với cùng kỳ năm 2017).

Để đảm bảo phát triển du lịch bền vững, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch gắn với việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc, gìn giữ cảnh quan, bảo vệ môi trường, Thủ tướng Chính phủ đã giao ngành triển khai nhiều hoạt động, như Hội thảo về du lịch bền vững và phiên họp nhóm công tác du lịch APEC tại Nha Trang (Khánh Hòa), Hội nghị Đối thoại chính sách cao cấp về du lịch bền vững APEC tại Hạ Long (Quảng Ninh), Tuyên bố cấp cao APEC 2017 về du lịch bền vững với Chủ đề *Thúc đẩy du lịch bền vững vì Châu Á - Thái Bình Dương bao trùm và kết nối*; quy định trích 05% phí tham quan các khu, điểm du lịch tạo nguồn thu cho Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch nhằm tạo nguồn lực cho công tác xúc tiến, quảng bá du lịch gắn với bảo tồn di tích, cảnh quan và môi trường.

Thực hiện mục tiêu trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đến năm 2020, du lịch Việt Nam thu hút được 17-20 triệu lượt khách du lịch quốc tế, phục vụ 82 triệu lượt khách du lịch nội địa, tổng thu từ khách du lịch đạt 35 tỷ USD, đóng góp 10% GDP, giá trị xuất khẩu thông qua du lịch đạt 20 tỷ USD, tạo ra 4 triệu việc làm, trong đó có 1,6 triệu việc làm trực tiếp. Đến năm 2030, du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của các ngành, lĩnh vực khác và Việt Nam thuộc nhóm các nước có ngành du lịch phát triển hàng đầu khu vực Đông Nam Á.

Thời gian qua, ngành du lịch đã thu hút các nguồn lực đầu tư để phát triển hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, hệ thống sản phẩm du lịch, đặc biệt là các nhà đầu tư chiến lược với các dự án du lịch quy mô lớn, chất lượng đẳng cấp quốc tế để tạo động lực lan tỏa, xây dựng hình ảnh và thương hiệu, nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của du lịch Việt Nam. Đầu tư của các tập đoàn như Vingroup, SunGroup, FLC, Mường Thanh tại nhiều địa bàn du lịch trọng điểm như Hạ Long, Đà Nẵng, Nha Trang, Phú Quốc, vừa góp phần phát huy lợi thế

cạnh tranh về tài nguyên, đồng thời hình thành hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại tại các địa phương. Sự gia tăng các khu vui chơi giải trí, khu nghỉ dưỡng với nhiều khách sạn có quy mô và chất lượng quốc tế (4-5 sao) đã góp phần tăng cường năng lực, khả năng cạnh tranh của du lịch Việt Nam, từng bước khẳng định thương hiệu du lịch Việt Nam theo hướng chất lượng cao và hiện đại.

15. Lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ luôn đề cao trách nhiệm, sâu sát, quyết liệt, chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo của công dân, góp phần ổn định tình hình chính trị - xã hội. Yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, yếu kém trong quản lý nhà nước, nhất là trong các lĩnh vực phát sinh nhiều khiếu nại, tố cáo như đất đai, nhà ở; coi công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo là nhiệm vụ chính trị trọng tâm; đề cao trách nhiệm, tăng cường thanh tra, kiểm tra, tập trung giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp kéo dài, coi trọng và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về khiếu nại, tố cáo để người dân hiểu rõ về quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tăng cường công tác hỗ trợ, tư vấn pháp lý cho người dân với sự tham gia của Đoàn Luật sư, Hội Luật gia. Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Thông tin và Truyền thông tăng cường công tác thông tin, truyền thông về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là các vụ khiếu nại, tố cáo phức tạp, dư luận xã hội quan tâm để người dân hiểu đúng bản chất vụ việc, biện pháp giải quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, góp phần nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân.

Về việc giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, đã hoàn thành cơ bản việc rà soát, giải quyết 528 vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, tồn đọng kéo dài theo kế hoạch, đang rà soát, giải quyết 511 vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp tồn đọng theo Kế hoạch số 2100/KH-TTTP của Thanh tra Chính phủ; kết quả có 427 vụ việc đủ điều kiện ban hành thông báo chấm dứt thụ lý (83,6%), đã ban hành 259 thông báo chấm dứt. Qua xem xét các địa phương đã có phương án giải quyết quyền lợi và hỗ trợ cho công dân trên 27 tỷ đồng; 1,08 ha đất sản xuất; 1.976 m² đất ở. Có 13 địa phương báo cáo không còn vụ việc phức tạp, kéo dài.

Năm 2018, trước tình hình khiếu nại, tố cáo diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến an ninh trật tự, Thủ tướng Chính phủ đã chủ trì Hội nghị với Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 27 tỉnh, thành phố có nhiều vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp. Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương nhiều giải pháp tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, tồn đọng, kéo dài nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, góp phần ổn định tình hình an ninh, trật tự, phát triển kinh tế - xã hội, hướng tới phục vụ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII và bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

16. Lĩnh vực tư pháp; phòng, chống tham nhũng, tội phạm; trật tự, an toàn giao thông và phòng, chống cháy, nổ

Công tác thi hành án dân sự tiếp tục có những chuyển biến rõ rệt, tập trung chú trọng giải quyết các vụ việc thi hành án trọng điểm, các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp và các vụ việc thi hành án liên quan đến tín dụng ngân hàng. Công tác phối hợp trong thi hành án dân sự giữa các cơ quan thi hành án dân sự với các ngành Tòa án, Kiểm sát, Nội chính, Công an, Ngân hàng, Bảo hiểm xã hội tiếp tục phát huy hiệu quả, góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thi hành án. Ban chỉ đạo thi hành án dân sự các cấp thường xuyên được rà soát, kiện toàn, hoạt động có hiệu quả. Việc tổng kết, sửa đổi, bổ sung Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 đã được thực hiện nghiêm túc, kịp thời, đúng quy định và tiến độ tại Nghị quyết số 89/2015/QH13 ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội về điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII năm 2015 và Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2016. Để triển khai thi hành Luật đồng bộ và hiệu quả, ngày 25 tháng 8 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1269/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017. Các hoạt động theo dõi, đôn đốc, kiểm tra hoạt động giải quyết bồi thường được thực hiện thường xuyên; kịp thời có ý kiến đối với nhiều vụ việc bồi thường; đồng thời tổ chức các Hội nghị liên ngành phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường và rà soát các vụ việc yêu cầu bồi thường phức tạp, kéo dài để đề nghị các cơ quan có thẩm quyền giải quyết dứt điểm. Trong 9 tháng đầu năm 2018, đã ban hành 15 văn bản hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường; 25 công văn hỗ trợ cho cá nhân, tổ chức thực hiện quyền yêu cầu bồi thường.

Theo đánh giá, năm 2018, công tác phòng, chống tham nhũng được chỉ đạo quyết liệt, có bước tiến mạnh, đạt được nhiều kết quả toàn diện, rõ rệt, để lại dấu ấn tốt, tạo hiệu ứng tích cực, lan tỏa mạnh mẽ trong toàn xã hội, được nhân dân đồng tình đánh giá cao, được các tổ chức quốc tế ghi nhận. Những kết quả đạt được trong công tác phòng, chống tham nhũng thời gian qua đã có tác động mạnh mẽ, cảnh tỉnh, răn đe, ngăn chặn tiêu cực, tham nhũng, góp phần làm trong sạch bộ máy Đảng và Nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường an ninh - quốc phòng, đối ngoại. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo nhằm quán triệt các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính một cách toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2017 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng đến năm 2020, trong đó việc tăng cường kiểm soát tài sản, thu nhập tiếp tục được xác định là một trong các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để phòng, chống tham nhũng. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương quán triệt và thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, yêu cầu thực hiện chủ trương nghiêm cấm tặng quà

cho cấp trên dưới mọi hình thức. Năm 2018, đã có 24 trường hợp nộp lại quà tặng với tổng giá trị là 421 triệu đồng. Năm 2018 có 29 người đứng đầu đã bị xử lý hoặc đang được xem xét để xử lý do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng, trong đó 05 người bị xử lý hình sự, 21 người đã bị xử lý kỷ luật, 03 người đang thực hiện quy trình xử lý kỷ luật.

Công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố đã từng bước đi vào nề nếp, đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự, bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Các quyết định giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố bảo đảm có căn cứ pháp lý.

Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội cơ bản hoàn thành mục tiêu đề ra, trong đó nhiều chỉ tiêu hoàn thành vượt mức. Các mặt công tác quản lý nhà nước về trật tự, an toàn xã hội được tăng cường; tai nạn giao thông giảm về số vụ, số người bị thương, qua đó góp phần tạo sự chuyển biến tích cực hơn về tình hình trật tự, an toàn xã hội.

Về công tác phòng, chống tội phạm kinh tế, tham nhũng, công an các đơn vị, địa phương đã tập trung điều tra các vụ án, chuyên án lớn, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm, nhất là các vụ án do Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng chỉ đạo. Chính phủ đã chỉ đạo triển khai nghiêm túc các chủ trương về tăng cường công tác quản lý, điều hành nhằm bình ổn giá cả thị trường, đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả; đấu tranh, ngăn chặn tội phạm khai thác trái phép tài nguyên, khoáng sản.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đã được xây dựng và hoàn thiện đồng bộ, phù hợp với tình hình thực tế và đáp ứng yêu cầu của công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; nâng cao năng lực, trách nhiệm của các lực lượng thực thi công vụ, nhiệm vụ về bảo đảm trật tự an toàn giao thông, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành hoạt động vận tải, khai thác hạ tầng giao thông và kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm về trật tự an toàn giao thông. Qua kết quả thực hiện đồng bộ các nhóm nhiệm vụ, giải pháp về bảo đảm trật tự an toàn giao thông, tình hình tai nạn giao thông trên toàn quốc tiếp tục được kiểm chế và giảm cả ba tiêu chí về số vụ, số người chết, số người bị thương, kết quả trong 8 tháng đầu năm 2018, toàn quốc xảy ra 11.782 vụ tai nạn giao thông, làm chết 5.366 người, bị thương 9.200 người. So với 8 tháng đầu năm 2017, số vụ tai nạn giao thông giảm 993 vụ (giảm 7,77%), số người chết giảm 56 người (giảm 1,03%), số người bị thương giảm 1.334 người (giảm 12,66%). Tai nạn giao thông từ ít nghiêm trọng trở lên xảy ra 6.086 vụ, làm chết 5.366 người, bị thương 3.249 người; so với cùng kỳ năm 2017 giảm 209 vụ (giảm 3,3%), số người chết giảm 56 người (giảm 1,03%), tăng 96 người bị thương (tăng 3%). Va chạm giao thông xảy ra 5.696 vụ, làm bị thương nhẹ 5.951 người.

Tuy công tác phòng chống cháy, nổ đã có nhiều nỗ lực và đạt được nhiều kết quả tích cực, tình hình cháy, nổ vẫn diễn biến phức tạp. Đối với một số vụ cháy lớn, đặc biệt nghiêm trọng, gây thiệt hại lớn về người và tài sản, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo điều tra làm rõ nguyên nhân, xử lý nghiêm vi phạm theo đúng quy định của pháp luật; tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, diễn tập phòng cháy, chữa cháy; thường xuyên kiểm tra, rà soát các cơ sở có nguy cơ cháy cao, đặc biệt là các khu chung cư cao tầng có đông dân cư sinh sống, kịp thời phát hiện chấn chỉnh, khắc phục các vi phạm, kiên quyết tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động đối với cơ sở không bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy; xem xét, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với trường hợp vi phạm nghiêm trọng.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 63/2018/QH14 VỀ HOẠT ĐỘNG CHẤT VẤN TẠI KỲ HỌP THỨ 5, QUỐC HỘI KHÓA XIV

1. Lĩnh vực giao thông vận tải

a) Về hạ tầng, công trình giao thông

Về thực trạng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, quy hoạch giao thông, triển khai Luật Quy hoạch năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2018 giao nhiệm vụ cho các Bộ tổ chức lập Quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Thủ tướng đã chỉ đạo Bộ Giao thông vận tải giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị lập 05 Quy hoạch ngành quốc gia thuộc các lĩnh vực quản lý của Bộ, bao gồm: Quy hoạch mạng lưới đường bộ, Quy hoạch mạng lưới đường sắt, Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển, Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc và Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa. Quá trình xây dựng các Quy hoạch ngành quốc gia trong các lĩnh vực giao thông vận tải sẽ được tổ chức đánh giá tổng thể lại thực trạng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông của mỗi lĩnh vực⁸, rà soát, đánh giá các quy hoạch đã phê duyệt trước đây.

Về chấn chỉnh hoạt động vận tải đường sắt, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo thực hiện các giải pháp cụ thể, rà soát, tham mưu đề xuất bổ sung, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và xây dựng mới các văn bản liên quan đến công tác vận chuyên hành khách, hành lý và hàng hóa bằng đường sắt; nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hành khách, hàng hóa; tập trung đầu tư, cải tạo nâng cấp toa xe và đa dạng hóa sản phẩm trong công tác vận tải hành khách, đóng mới toa xe với kiểu dáng thanh lịch, nội thất sang trọng; tăng cường công tác đảm bảo vệ sinh môi trường trên các đoàn tàu, trong đó ưu tiên việc cải tạo lắp đặt thiết bị vệ sinh tự hoại không xả thẳng ra môi trường cho các toa xe khách⁹;

⁸ Số liệu về thực trạng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đã được tổng hợp kỳ gần nhất tại Báo cáo mật về kết quả kiểm kê, đánh giá thực chất tình hình các nguồn lực nền kinh tế giai đoạn 2011 - 2015 của Ban Cán sự đảng Chính phủ - tháng 01/2018)

⁹ Trong các năm 2016, 2017, các Công ty kinh doanh vận tải đã cải tạo lắp đặt thiết bị vệ sinh tự hoại không xả thẳng ra môi trường cho các toa xe khách được gần 100% toa xe khách (còn một số toa xe gần hết niên hạn sử dụng theo quy định của Luật đường sắt và hiện nay không vận dụng). Giai đoạn hiện nay, đang tiếp tục khắc phục và thay thế một số buồng vệ sinh tự hoại chưa đảm bảo chất lượng phục vụ cao cho vận chuyên hành khách.

tăng cường công tác đào tạo kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phục vụ thông qua việc xây dựng, ban hành quy định kỹ năng giao tiếp của Đoàn tiếp viên đường sắt phù hợp với tính chất công việc của công tác phục vụ trên tàu; đầu tư cơ sở vật chất của phòng đợi tàu, phòng bán vé đảm bảo khang trang, thoáng mát kèm theo nhiều tiện ích phục vụ như Wifi miễn phí, nhà bán đồ lưu niệm, phục vụ hướng dẫn thông tin, giải đáp trực tiếp với khách hàng; trang bị xe vận chuyển hành lý miễn phí cho hành khách tại các ga lớn nhằm phục vụ hành khách ra, vào ga thuận tiện đảm bảo an toàn; đẩy mạnh việc kết nối giao thông giữa đường sắt với đường bộ đến các điểm du lịch thông qua phương tiện xe buýt, xe khách vận chuyển; mở rộng mạng lưới bán vé rộng khắp cả nước thông qua hình thức bán vé qua mạng, qua hệ thống đại lý, qua điện thoại và cả hình thức mang vé đến tận nhà cho hành khách có nhu cầu; đẩy mạnh hợp tác lĩnh vực đường sắt với các nước, đặc biệt là các nước trong Tổ chức Hợp tác Đường sắt (OSJD) để nâng cao khối lượng vận chuyển hàng liên vận quốc tế từ Việt Nam sang các ga của đường sắt Trung Quốc đến các nước thứ ba và ngược lại, đồng thời tham gia hợp tác logistics quốc tế.

Về phương án đầu tư phát triển vận tải đường sắt bảo đảm an toàn, hiệu quả, trong giai đoạn 2016 - 2020, nguồn vốn bố trí để phát triển hạ tầng giao thông nói chung, hạ tầng đường sắt nói riêng vẫn còn rất khó khăn. Kế hoạch vốn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 chỉ bố trí được 1.280 tỷ đồng để thực hiện đầu tư nâng cấp kết cấu hạ tầng đường sắt hiện có (trong đó phải bố trí 634,525 tỷ đồng trả nợ đọng xây dựng cơ bản và hoàn ứng kế hoạch). Trong điều kiện này, các mục tiêu tối thiểu theo Nghị quyết số 13-NQ/TW và Chiến lược, Quy hoạch phát triển đường sắt trong giai đoạn đến 2020 gặp rất nhiều khó khăn. Việc Quốc hội thông qua Nghị quyết số 52/2017/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2017 trong đó có chủ trương sử dụng 15.000 tỷ đồng từ nguồn vốn dự phòng của Kế hoạch trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 cho các dự án đường sắt quan trọng và các dự án đường bộ quan trọng, cấp bách đã tạo cơ hội và điều kiện để thực hiện những mục tiêu cơ bản nhất về phát triển hạ tầng đường sắt giai đoạn tới năm 2020.

Thực hiện chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đang chỉ đạo khẩn trương triển khai rà soát, hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam. Đến nay, Dự án đã tổ chức báo cáo giữa kỳ và tổ chức 02 cuộc họp báo cáo chuyên đề. Thời gian qua (từ tháng 6 đến tháng 8 năm 2018), Bộ Giao thông vận tải đã trực tiếp làm việc với 20 tỉnh, thành phố có Dự án đi qua để rà soát, thống nhất phương án hướng tuyến, vị trí nhà ga, trạm bảo dưỡng làm cơ sở hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án, dự kiến sẽ tổ chức báo cáo cuối kỳ vào giữa tháng 10 năm 2018 làm cơ sở hoàn thiện nghiên cứu để trình Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng thẩm định Nhà nước vào tháng 11 năm 2018; tiếp tục báo cáo các cấp có thẩm quyền và dự kiến trình Quốc hội vào kỳ họp cuối năm 2019.

Việc thu hút nguồn lực của các thành phần kinh tế trong nước và ngoài nước cho đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, trong giai đoạn hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Giao thông vận tải chuẩn bị một số dự án quan trọng để có thể ký kết các Hiệp định vay vốn với các nhà tài trợ, tận dụng tối đa nguồn vốn vay ODA ưu đãi còn có thể huy động (đã ký được Hiệp định cho dự án Quốc lộ 19, đang chuẩn bị dự án cho các dự án: vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn Tân Vạn - Nhơn Trạch, tuyến đường kết nối các tỉnh phía Bắc với cao tốc Nội Bài - Lào Cai, tín dụng ngành xây dựng các cầu kết nối các quốc lộ, cầu Đại Ngãi, cải tạo đoạn qua đèo Khe Nét, cải tạo khu gian Hòa Duyệt - Thanh Luyên trên đường sắt Bắc - Nam...); đồng thời tích cực kêu gọi, tìm kiếm nguồn lực để đầu tư các công trình giao thông theo hình thức PPP và đã đạt được những kết quả nhất định. Đến nay, đã huy động được khoảng 209.732 tỷ đồng để đầu tư 68 dự án¹⁰ thực hiện đầu tư theo hình thức PPP, trong đó đã hoàn thành đưa vào vận hành khai thác 61 dự án với tổng mức đầu tư là 178.660 tỷ đồng, đang triển khai đầu tư 07 dự án với tổng mức đầu tư là 31.072 tỷ đồng. Tiếp tục thực hiện chủ trương xã hội hoá đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông, đẩy mạnh kêu gọi đầu tư các dự án, trong đó có các dự án đường cao tốc trọng điểm như dự án đường cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ (chiều dài 24 km với tổng mức đầu tư khoảng 5.400 tỷ đồng); một số đoạn trên tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông (tổng chiều dài khoảng 533km với tổng mức đầu tư khoảng 90.645 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn BOT khoảng 54.103 tỷ đồng) và một số dự án đường cao tốc khác.

Biện pháp, giải pháp, hoạt động chỉ đạo điều hành nhằm đảm bảo tiến độ, chất lượng các dự án, công trình trọng điểm, thực hiện Nghị quyết số 63/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội, Chính phủ đã triển khai các biện pháp, giải pháp hành động thiết thực để đảm bảo hoàn thành các công trình giao thông trọng điểm như tăng cường công tác kiểm tra hiện trường, trực tiếp cử cán bộ tại hiện trường để phối hợp cùng các Chủ đầu tư, các Ban Quản lý dự án đôn đốc tiến độ, kiểm soát chặt chẽ về chất lượng công trình, tăng cường công tác đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động, vệ sinh môi trường. Rút kinh nghiệm trực tiếp từ quá trình thực hiện các dự án trước đây, để tiến tới triển khai các dự án trọng điểm có quy mô lớn như đường cao tốc Bắc - Nam, Cảng hàng không quốc tế Long Thành, đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Giao thông vận tải ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, điều hành nhằm tăng cường, nâng cao các hoạt động về quản lý chất lượng, tiến độ, giá thành, an toàn giao thông, an toàn lao động và các nội dung khác trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng, như Sổ tay quản lý dự án hướng dẫn triển khai Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020; Quy chế triển khai thực hiện

¹⁰ Chưa bao gồm 03 dự án đã dừng triển khai do cải tạo, mở rộng trên tuyến đường hiện hữu, không phù hợp với Nghị quyết 437/NQ-TVQH14 (QL53 đoạn Long Hồ - Ba Sĩ, QL30 đoạn An Hữu - Cao Lãnh, KTX trường đại học GTVT TP HCM), 02 dự án chuyên địa phương là CQNNCTQ (Cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, mở rộng QL1 đoạn Km791A-Km848 tỉnh Thừa Thiên Huế), 01 dự án mới hết thời gian thu phí (Hầm Đèo Ngang).

Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020; Quy định kiểm tra, kiểm soát tiến độ, chất lượng công trình Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020; Xây dựng mẫu hồ sơ nghiệm thu, quy trình thủ tục nghiệm thu thanh toán và nghiệm thu hoàn thành công trình đối với Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020. Ngoài những kết quả đạt được, vẫn còn tồn tại một số khó khăn, vướng mắc gây ảnh hưởng đáng kể đến tiến độ các công trình, dự án trọng điểm ngành Giao thông vận tải, công tác giải phóng mặt bằng một số dự án vẫn còn vướng mắc cục bộ, tiến độ giải phóng mặt bằng vẫn còn chậm, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án (các Dự án đường cao tốc Bến Lức - Long Thành, Trung Lương - Mỹ Thuận, Pháp Vân - Cầu Giẽ giai đoạn 2; đường sắt Nhòn - Ga Hà Nội; một số dự án đường Hồ Chí Minh...); một số dự án sử dụng nguồn vốn vay ODA còn gặp nhiều khó khăn do thiếu vốn đối ứng cho công tác giải phóng mặt bằng, giải ngân cho các nhà thầu, chi trả hoàn thuế VAT; một số dự án lớn hơn 10.000 tỷ đồng khi điều chỉnh tổng mức đầu tư cần báo cáo Quốc hội thông qua do hình thành yếu tố quan trọng quốc gia.

b) Trật tự an toàn giao thông

Xử lý điểm đen về an toàn giao thông, các điểm giao cắt đường sắt với đường bộ, an toàn vận tải đường sắt, không để phát sinh các lỗi đi tự mở qua đường sắt, hiện nay, trên đường sắt quốc gia có 1.514 đường ngang, trong đó có 644 đường ngang hình thức phòng vệ có người gác, 384 đường ngang cảnh báo tự động và 486 đường ngang hình thức phòng vệ bằng biển báo. Thời gian qua, cơ quan chức năng đã triển khai thực hiện xong việc nâng cấp, cải tạo, sửa chữa 414 đường ngang (năm 2015: 133 đường ngang; năm 2016: 105 đường ngang; năm 2017: 176 đường ngang). Về điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ, từ đầu năm 2017 đến nay đã xử lý được 271 điểm. Trong công tác quản lý, bảo trì đường bộ đã xử lý nhiều điểm mất an toàn giao thông khác như sơn kẻ 321 km vạch sơn đường; thay thế, điều chỉnh 648 biển báo, sửa chữa, bổ sung giải pháp cảnh báo, sơn kẻ đường, gờ giảm tốc. Trong năm 2018 và kế hoạch bảo trì đường bộ năm 2019, ưu tiên xử lý ngay đối với 297 điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông (136 điểm đen; 161 điểm tiềm ẩn). Về tăng cường kỷ cương trong bảo đảm an toàn vận tải đường sắt, đã thực hiện rà soát lại tiêu chuẩn, kiểm tra kiến thức chuyên môn đối với nhân viên đường sắt; sát hạch thực hành định kỳ hàng năm đối với các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; đồng thời đã thực hiện sửa đổi, bổ sung quy định, quy trình tác nghiệp cụ thể cho từng chức danh gác đường ngang, cầu chung, chức danh tuần cầu dài hơn 300m, chức danh tuần đường.

Công tác kiểm tra, kiểm soát phương tiện giao thông, chấp hành pháp luật về giao thông, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo tiến hành kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong công tác kiểm soát tải trọng phương tiện đường bộ của Sở Giao thông vận tải và một số đơn vị bốc xếp hàng hóa

tại 7 địa phương (Phú Thọ, Lạng Sơn, Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Lắk, Bình Phước và Tây Ninh); trong lĩnh vực đường thủy nội địa, đã chỉ đạo thanh tra hoạt động vận tải thủy tuyến từ bờ ra đảo tại các địa phương (Hải Phòng, Quảng Ngãi, Bà Rịa - Vũng Tàu, Sóc Trăng, Cần Thơ). Trong lĩnh vực hàng hải, đã chỉ đạo thanh tra dịch vụ công ích thông tin duyên hải (nhận dạng và theo dõi tàu thuyền trên biển; tiếp nhận và xử lý các thông tin cấp cứu của tàu thuyền trên biển) tại Công ty một thành viên thông tin điện tử hàng hải Việt Nam. Trong lĩnh vực đường sắt, chỉ đạo thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về kinh doanh, điều kiện kinh doanh vận tải đường sắt; việc thực hiện quy định tiêu chuẩn chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; điều kiện cơ sở đào tạo và nội dung, chương trình đào tạo nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu. Trong lĩnh vực hàng không, đang thanh tra công tác đào tạo, huấn luyện, kiểm tra, sát hạch, cấp giấy phép nhân viên hàng không; thanh tra thực hiện chức năng, nhiệm vụ tại các Cảng vụ hàng không miền Bắc, Cảng vụ hàng không miền Trung.

Về công tác đăng kiểm, đối với công tác đăng kiểm xe cơ giới, triển khai xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ tăng cường công tác quản lý và xử lý nghiêm các vi phạm trong công tác đăng kiểm xe cơ giới, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát toàn diện mọi hoạt động của đơn vị đăng kiểm xe cơ giới, kiên quyết không cấp Giấy chứng nhận kiểm định cho các phương tiện không đảm bảo tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định, hướng dẫn về kiểm soát tải trọng phương tiện; thực hiện nghiêm việc cập nhật dữ liệu cảnh báo, không kiểm định cho phương tiện có trong danh sách cảnh báo theo đúng hướng dẫn của Cục Đăng kiểm Việt Nam; phối hợp với thanh tra giao thông và các lực lượng tuần tra kiểm soát tại địa phương khi được yêu cầu thực hiện thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm đối với cá nhân, tổ chức có xe ô tô tự ý hoán cải, thay đổi thiết kế không đúng quy định.

Về công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép điều khiển phương tiện, cơ quan chuyên môn đã triển khai rà soát bộ giáo trình đào tạo hiện nay, nghiên cứu, tham khảo giáo trình đào tạo lái xe của các nước trên thế giới; tăng cường đường sát hạch lái xe trên đường giao thông công cộng và bổ sung quy định truất quyền sát hạch đối với các tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông nghiêm trọng; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đào tạo, sát hạch; đối với công tác quản lý và cấp giấy phép lái xe, nghiên cứu, bổ sung quy định để hạn chế tình trạng giả khai báo mất để cấp lại giấy phép lái xe nhiều lần, dự thảo Quy chế phối hợp về việc chia sẻ thông dữ liệu vi phạm của người lái xe, không để xảy ra tình trạng người bị tạm giữ giấy phép lái xe giả khai báo mất để được cấp lại.

Công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật giao thông thông qua các cuộc phát động, hội nghị tập huấn, hội thảo an toàn giao thông, thực hiện Kế hoạch hành động Năm An toàn giao thông 2018 có chủ đề An toàn

giao thông cho trẻ em với mục tiêu “Tính mạng con người là trên hết”. Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia Trương Hòa Bình đã giao Thường trực Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Bộ, ngành, địa phương tổ chức sơ kết 05 năm thực hiện bộ tiêu chí văn hóa giao thông đường bộ; ban hành Đề án xây dựng văn hóa giao thông giai đoạn 2018- 2023 để triển khai trên toàn quốc.

Trong những năm qua, ứng dụng công nghệ thông tin đã được quan tâm và ứng dụng trong hoạt động quản lý và điều hành, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nội bộ, trong phục vụ người dân và doanh nghiệp, đặc biệt là trong hoạt động quản lý chuyên ngành.

c) Đầu tư và khai thác công trình giao thông theo hình thức Hợp đồng BOT

Thực hiện Nghị quyết số 437/NQ-UBTVQH14 ngày 21 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục hoàn thiện và đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về đầu tư và khai thác các công trình giao thông theo hình thức hợp đồng BOT, Chính phủ đã có Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thực hiện Nghị quyết số 437/NQ-UBTVQH14, trong đó chỉ đạo tập trung, quyết liệt triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp; triển khai các phương án xử lý kịp thời những tồn tại, yếu kém và kiểm điểm nghiêm túc trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân để xảy ra khuyết điểm, vi phạm; rà soát và chủ động dừng 13 dự án BOT (gồm 11 dự án đường bộ trên đường hiện hữu và 02 dự án đường thủy nội địa) không đảm bảo quyền lựa chọn của người dân theo đúng Nghị quyết số 437/NQ-UBTVQH14.

Việc hoàn thiện pháp luật về đầu tư dự án kết cấu hạ tầng giao thông theo hình thức hợp đồng BOT đặt trong tổng thể hoàn thiện pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP), Chính phủ đã ban hành Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư, Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư, Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

Thường trực Chính phủ đã xem xét báo cáo nội dung rà soát và đồng thuận kiến nghị các giải pháp xử lý bất cập tại các trạm BOT. Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các cơ quan chức năng chủ động, tích cực phối hợp, làm việc với các Bộ, ngành, các nhà đầu tư và các cơ quan liên quan để xử lý các bất cập tại các trạm thu phí. Đến thời điểm này, một phần các bất cập tại các trạm thu phí đã được giải quyết. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số bất cập tại một số trạm thu phí, Thủ tướng Chính phủ sẽ sớm có giải pháp xử lý dứt điểm đối với các trạm thu phí này.

Về việc kết nối hệ thống thông tin, dữ liệu về thu phí, để tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với việc giám sát, nắm bắt tình hình, hiện trạng công tác

thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ tại từng trạm thu phí, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo nghiên cứu, hoàn thiện Dự án xây dựng hệ thống quản lý, giám sát, khai thác dữ liệu thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ với kinh phí khoảng 12,845 tỷ đồng từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế đường bộ và các nguồn hợp pháp khác; hiện đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Dự kiến Dự án sẽ hoàn thành vào cuối năm 2019.

Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý các vi phạm được tăng cường và thực hiện nghiêm minh, đặc biệt xử lý các vi phạm trong công tác thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ. Đến hết tháng 8 năm 2018, đã thành lập 37 Đoàn kiểm tra, giám sát việc xuất, thu hồi vé và doanh thu từng ca, hệ thống thiết bị phòng hậu kiểm, vé bên ngoài ca bin, thu phí thủ công tại trạm phụ đối với các Trạm thu phí dịch vụ Dự án BOT. Các đoàn kiểm tra đã phát hiện một số tình trạng tồn tại như miễn phí cho một số phương tiện qua Trạm thu phí mà không phải đối tượng được ưu tiên theo quy định; chưa nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ sao lưu dữ liệu thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ và công bố thông tin dự án tại trạm thu phí. Qua kiểm tra, giám sát, các Đoàn kiểm tra đã kiến nghị các cơ quan quản lý liên quan có biện pháp khắc phục những tồn tại, khuyết điểm, xử lý vi phạm góp phần nâng cao tính minh bạch trong công tác thu phí đường bộ.

2. Lĩnh vực tài nguyên và môi trường

a) Quản lý đất đai

Quá trình tổ chức thi hành Luật đất đai năm 2013, công tác quản lý đất đai đã đạt được những kết quả quan trọng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã tạo ra cơ sở pháp lý quan trọng trong thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; bước đầu đã khắc phục tình trạng giao đất, cho thuê đất tràn lan, không đưa vào sử dụng, lãng phí. Chính sách thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã bảo đảm tốt hơn quyền lợi cho người có đất thu hồi. Các địa phương cơ bản đã lập được hệ thống hồ sơ địa chính dạng số đồng bộ giữa bản đồ địa chính với thông tin đăng ký, cấp Giấy chứng nhận; một số địa phương đã vận hành cơ sở dữ liệu địa chính, tạo nền tảng quan trọng để xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai thống nhất, phục vụ đa mục tiêu. Quy định về các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất đã hình thành khung pháp lý để thị trường bất động sản vận hành, đáp ứng được yêu cầu của người dân và doanh nghiệp khi có nhu cầu về đất nông nghiệp, đất ở, đất sản xuất kinh doanh. Các giao dịch chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, giao dịch thế chấp bằng quyền sử dụng đất không ngừng tăng lên sau 04 năm thi hành Luật đất đai. Chính sách tài chính về đất đai được hoàn thiện đã góp phần tạo nguồn thu đáng kể cho ngân sách, những quy định đổi mới về giá đất đã tạo sự chuyển biến tích cực trong quản lý nhà nước về đất đai bằng biện pháp kinh tế. Công tác cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai đã được coi trọng, đã giảm tối đa các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai. Việc thành lập Văn phòng đăng ký đất đai một cấp đã tạo điều kiện

thuận lợi hơn cho người dân trong việc nộp hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ công việc và sẽ giúp đẩy nhanh tiến độ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng.

Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về đất đai đã được thực hiện thường xuyên hơn và bước đầu đã có kết quả tích cực, thông qua đó việc chấp hành pháp luật về đất đai đã được nâng lên rõ rệt. Thời gian tới, Chính phủ chỉ đạo tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát, quản lý về đất đai trên phạm vi cả nước. Đẩy mạnh tổ chức giám sát, kiểm tra và xử lý nghiêm đối với tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đất đai; xử lý trách nhiệm người đứng đầu của các cơ quan, đơn vị buông lỏng quản lý đất đai để xảy ra tình trạng lấn chiếm, chuyển nhượng, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép, giao đất không đúng thẩm quyền, để hoang hóa, lãng phí, chậm đưa đất vào sử dụng mà không xử lý kịp thời.

Để hạn chế tình trạng đầu cơ đất đai, gây tác động tiêu cực tới thị trường bất động sản, trong thời gian qua, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo triển khai nhiều biện pháp, như sửa đổi, bổ sung hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về thị trường quyền sử dụng đất; kiện toàn hệ thống các tổ chức thực hiện chức năng quản lý, dịch vụ cho thị trường quyền sử dụng đất; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đất đai, pháp luật liên quan đến thị trường quyền sử dụng đất; đẩy mạnh việc công khai, cung cấp thông tin về đất đai; đẩy nhanh việc xây dựng, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến thị trường quyền sử dụng đất; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các vi phạm pháp luật, đảm bảo cho thị trường hoạt động minh bạch, theo đúng quy định và định hướng của nhà nước.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo rà soát cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong quản lý, sử dụng đất, trong đó có cắt giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục. Theo đó, thời gian của thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận đã được giảm thiểu một cách triệt để, đồng thời đơn giản hóa theo hướng triển khai một cửa liên thông giữa các thủ tục về đăng ký đất đai với các thủ tục xác định nghĩa vụ tài chính và thuế.

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013, đến nay công tác quản lý nhà nước về giá đất đã đạt được những thành tựu đáng kể. Luật Đất đai năm 2013 đã tiếp cận và thể hiện đầy đủ vấn đề về tài chính đất đai theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước nhằm đảm bảo quyền lợi của người sử dụng đất, quyền lợi của Nhà nước, chủ đầu tư và đảm bảo ổn định xã hội; đồng thời phù hợp với quá trình thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bảng giá đất và giá đất cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định, quyết định đã phù hợp hơn với giá đất phổ biến trên thị trường so với trước đây, tạo ra nguồn thu lớn từ đất và tăng mạnh qua các năm, góp phần bảo đảm tốt hơn quyền lợi của người sử dụng đất, quyền lợi của Nhà nước, chủ đầu tư và đảm bảo ổn định xã hội; đồng thời phù hợp với quá trình thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Khung pháp luật về định giá đất đã được Chính phủ

quy định tương đối đồng bộ, đầy đủ đã tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương trong việc xây dựng bảng giá đất và định giá đất cụ thể tại địa phương. Việc thực hiện xây dựng bảng giá đất, xác định giá đất cụ thể theo quy trình chặt chẽ đã nâng cao chất lượng kết quả xác định giá đất.

Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp, khiếu kiện đông người liên quan đến đất đai luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm; đã kịp thời ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết nhằm tăng cường trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo của công dân; Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã tổ chức nhiều hội nghị, có nhiều văn bản chỉ đạo công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo nói chung và khiếu nại, tố cáo đông người nói riêng; các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương đã có nhiều cố gắng và tích cực phối hợp giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Từ sự tập trung, cố gắng đó, tình hình khiếu nại, tố cáo trong quản lý, sử dụng đất đai đã có nhiều chuyển biến tích cực, nhiều "điểm nóng", nhiều vụ việc phức tạp, tồn đọng, kéo dài đã được giải quyết, góp phần phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của đất nước.

b) Môi trường

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo rà soát, đánh giá tổng kết việc triển khai thi hành Luật bảo vệ môi trường năm 2014 và đã hoàn thiện hồ sơ lập đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo vệ môi trường và một số luật liên quan đến bảo vệ môi trường và đã được Chính phủ thông qua về mặt chính sách tại Phiên họp Chính phủ tháng 12 năm 2017. Chính phủ đã trình Quốc hội hồ sơ lập đề nghị xây dựng dự án Luật để đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019. Tuy nhiên, Quốc hội chưa đồng ý với đề xuất này của Chính phủ. Để hoàn thiện các quy định về bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường theo nguyên tắc thị trường, các quy định về thủ tục giải quyết bồi thường thiệt hại đối với môi trường, cách xác định các chi phí xác định thiệt hại và thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường đất, nước dự kiến sẽ đưa vào dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) sau khi Luật được ban hành.

Năm 2018, đã tập trung thực hiện tốt chương trình quan trắc định kỳ, thực hiện chương trình quan trắc môi trường không khí và nước tại các lưu vực Sông Cầu; Nhuệ - Đáy; Mã; Hồng - Thái Bình, Đà; Cả La; sông Trà Khúc; Hệ thống sông Đồng Nai; nước mặt vùng Tây Nam Bộ; Vu Gia-Thu Bồn; 03 vùng Kinh tế trọng điểm; công trình thủy điện tại khu vực Tây Nguyên từ tháng 3 đến hết tháng 11 năm 2018; duy trì vận hành, theo dõi hệ thống các trạm quan trắc môi trường không khí tự động, cố định và các trạm quan trắc môi trường nước tự động, cố định tại các lưu vực sông và trạm quan trắc nước.

Đã nghiên cứu, tìm kiếm các giải pháp về công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt thân thiện với môi trường; các công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt kết hợp với thu hồi năng lượng; các mô hình xử lý chất thải; tổ chức các đợt

kiểm tra, thanh tra và xử lý nghiêm các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt gây ô nhiễm môi trường; triển khai hoạt động cho vay ưu đãi, tài trợ đối với các dự án xử lý chất thải rắn trong khuôn khổ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam; đã phối hợp với các Bộ, ngành tổ chức Hội thảo nhằm trao đổi, giới thiệu các công nghệ xử lý chất thải rắn khu vực nông thôn, mô hình xử lý chất thải rắn khu vực nông thôn đang được triển khai thực hiện. Theo đó, tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý đã đạt 12%, tăng khoảng 5% so với giai đoạn 2011-2015. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom xử lý tại khu vực nội thành của các đô thị trung bình đạt khoảng 85,5% (năm 2010 tỷ lệ này là 82%, năm 2015 tỷ lệ này là xấp xỉ 85%), tại khu vực ngoại thành của các đô thị trung bình đạt khoảng 55% (giai đoạn 2011 - 2015 tỷ lệ là khoảng 40%); tỷ lệ chất thải rắn chăn nuôi được xử lý đạt 40 - 70% (tùy theo từng vùng) (tăng khoảng 10% so với số liệu thống kê năm 2016); tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp đạt trên 90% khối lượng phát sinh; tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đúng quy định đạt khoảng 90% (vượt chỉ tiêu Chiến lược bảo vệ môi trường, tỷ lệ này đến năm 2020 là 85%).

Về hoạt động xả thải; xử lý tình trạng xả thải gây ô nhiễm môi trường nước tại các lưu vực sông, suối, tại các doanh nghiệp, khu công nghiệp, cụm công nghiệp ven sông, ven biển, đã tăng cường thực hiện công tác thanh, kiểm tra các dự án đang hoạt động tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (Căn cứ kết quả thanh tra, kiểm tra, năm 2017, các cơ quan có thẩm quyền đã xử phạt vi phạm hành chính 700 tổ chức, cá nhân với số tiền 82 tỷ 80 triệu đồng, truy thu 239 triệu đồng). Chính phủ đang xem xét ban hành dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường nhằm khắc phục những bất cập tồn tại trong quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, nhất là các quy định về các công cụ, biện pháp quản lý nhà nước, biện pháp kỹ thuật kiểm soát, giám sát hoạt động xả thải của doanh nghiệp

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, ngành, địa phương triển khai xây dựng, trình Thủ tướng chính phủ xem xét, phê duyệt Đề án kiểm soát đặc biệt đối với các dự án, cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; trong đó đưa các tiêu chí về loại hình sản xuất công nghiệp, quy mô phát sinh chất thải và vị trí nhạy cảm về môi trường nơi đặt dự án, cơ sở để phòng ngừa, giảm thiểu nguy cơ xảy ra ô nhiễm, sự cố môi trường. Đồng thời yêu cầu việc thu hút đầu tư vào các lĩnh vực này phải sử dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại, tốt nhất hiện có; hạn chế thu hút đầu tư các dự án thuộc đối tượng kiểm soát đặc biệt bên ngoài các khu công nghiệp; không thực hiện các dự án đầu tư thuộc đối tượng kiểm soát đặc biệt tại những vị trí nhạy cảm về môi trường (trong khu dân cư, trong khu bảo tồn thiên nhiên, đầu nguồn nước phục vụ mục đích sinh hoạt, vùng trũng quy hoạch nuôi trồng thủy sản).

Về thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, từ đầu năm 2018, đã tổ chức các đoàn thanh, kiểm tra, xử lý 09 vụ việc về ô nhiễm, sự cố môi trường và đa dạng sinh học. Bên cạnh đó, tiếp tục triển khai có hiệu quả

Đường dây nóng tiếp nhận, xác minh, xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức và cá nhân về ô nhiễm môi trường; tiếp tục duy trì hoạt động các Tổ giám sát đối với các cơ sở, dự án tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

c) Khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu

Về việc thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, ngày 28 tháng 10 năm 2016 Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 2053/QĐ-TTg về ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, theo đó, đã xác định 68 nhiệm vụ trọng tâm từ nay đến 2030 để các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện, trong đó, giai đoạn từ nay đến năm 2020 tập trung chủ yếu vào hoàn thiện thể chế, chính sách để Việt Nam thực hiện đầy đủ các cam kết do Thỏa thuận Paris quy định đối với Việt Nam. Đến nay, có 45/63 địa phương đã ban hành Kế hoạch triển khai Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu. Chính phủ đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng Nghị định quy định lộ trình và phương thức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, trình Chính phủ ban hành trong năm 2018; kế hoạch quốc gia về thích ứng biến đổi khí hậu (NAP) giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn 2050.

Để tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, nhất là dự báo xa, đã triển khai nhiều giải pháp, tăng cường mật độ trạm quan trắc, nhất là các trạm trên biển, các trạm đo mưa tự động trên khu vực có địa hình phức tạp, các trạm quan trắc cao không, radar; xây dựng và triển khai áp dụng hệ thống dự báo tổ hợp từ ngắn hạn, hạn vừa đến hạn mùa cho khu vực Việt Nam tại Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn quốc gia và các Đài Khí tượng thủy văn khu vực; nhiều mô hình toán hiện đại trên thế giới đã được nghiên cứu và áp dụng trong công tác dự báo, cảnh báo lũ, dự báo phục vụ vận hành hồ chứa; ứng dụng các sản phẩm của hệ thống cảnh báo lũ quét hiện đại của Hoa Kỳ, của Ủy hội sông Mê Kông chuyên giao.

Về các chương trình, dự án, nguồn lực thực hiện ứng phó với biến đổi khí hậu, bao gồm Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu (SP-RCC), Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường, 30 đề tài được phê duyệt và đang triển khai thực hiện từ năm 2016 đến nay, việc triển khai thực hiện đã đạt được một số kết quả cơ bản; giải quyết các vấn đề liên quan đến xâm nhập mặn (các loại đất, cây trồng, rừng...); hình thành các giải pháp chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu trong từng ngành, từng lĩnh vực nhất là các vùng dễ bị tổn thương; các giải pháp công nghệ về giống, cây trồng, công nghệ canh tác trong điều chỉnh kỹ thuật mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng các mô hình kinh tế thích ứng với các hiện tượng thiên tai cực đoan và các mô hình kinh tế ứng phó với xâm nhập mặn; các dự án ODA về biến đổi khí hậu và Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020, đã đôn đốc triển khai các nhiệm vụ, hoạt động đã được phê duyệt trong văn kiện dự án đảm bảo đúng mục tiêu, thời hạn theo yêu cầu của nhà tài trợ và các quy định hiện hành về quản lý dự án của Chính phủ Việt Nam; phối hợp với các đối tác phát triển và nhà tài trợ giám sát, kiểm tra tình hình

giải ngân của các dự án đảm bảo sự dụng có hiệu quả các nguồn lực quốc tế cho công tác ứng phó với biến đổi khí hậu.

3. Lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội

a) Lao động, việc làm

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở chương trình công tác đã giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội rà soát xây dựng văn bản hướng dẫn thực hiện các Bộ luật, Luật, Pháp lệnh đã được thông qua tại các kỳ họp của Quốc hội về lao động, giáo dục nghề nghiệp, việc làm trong nước và người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật nhìn chung đã đảm bảo chất lượng, tiến độ theo kế hoạch đề ra, góp phần hoàn thiện thể chế, văn bản quy phạm pháp luật về lao động, người có công và xã hội, làm cơ sở, tạo nền tảng pháp lý cho thực hiện chính sách an sinh xã hội. Hiện nay, Chính phủ đang xem xét hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2006; Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020.

Để đáp ứng yêu cầu thị trường lao động gắn với cung, cầu lao động và bối cảnh nền công nghiệp 4.0, nhiều hoạt động nghiên cứu, hội thảo về chủ đề tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 tới thị trường lao động được triển khai, như "Đánh giá về cơ hội, thách thức, tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến lĩnh vực lao động, việc làm ở Việt Nam"; "Nhu cầu về kỹ năng trong kỷ nguyên công nghệ mới". Công tác dự báo thị trường lao động được triển khai qua việc tổ chức thu thập dữ liệu từ các cuộc điều tra nhu cầu sử dụng lao động, khảo sát về tiền lương, khảo sát về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, khảo sát về kỹ năng lao động của người lao động, tổ chức thu thập, cập nhật cơ sở dữ liệu cung, cầu lao động, làm cơ sở dữ liệu đầu vào cho công tác phân tích dự báo. Định kỳ nghiên cứu, xây dựng và ban hành các dự báo ngắn hạn về nhu cầu sử dụng lao động; xuất bản các ấn phẩm dự báo thị trường lao động như báo cáo xu hướng việc làm, tương lai việc làm Việt Nam, bản tin thị trường lao động để làm cơ sở hoạch định cho công tác giáo dục nghề nghiệp và định hướng phát triển nguồn nhân lực. Đã triển khai thí điểm đối với các Trung tâm dịch vụ việc làm để tư vấn, giới thiệu việc làm, hỗ trợ việc làm cho thanh niên, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, phụ nữ nghèo nông thôn, lao động di cư trong khuôn khổ Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016 - 2020 (theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2017).

Về giải pháp xây dựng quan hệ lao động hài hòa, tiến bộ trong doanh nghiệp, đã triển khai khảo sát tình hình thực hiện thương lượng, thí điểm thỏa ước lao động

tập thể ngành và theo hình thức khác tại 06 địa phương và 12 doanh nghiệp, hiện đang tổng hợp báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thí điểm thực hiện thương lượng và ký kết thỏa ước lao động tập thể ngành, nhóm doanh nghiệp. Để xây dựng quan hệ lao động hài hòa, tiên bộ trong doanh nghiệp, ngành đã tập trung thực hiện các giải pháp, hoàn thiện thể chế, pháp luật lao động và quan hệ lao động, pháp luật công đoàn, phù hợp với lộ trình và kế hoạch phê chuẩn các công ước của ILO của Việt Nam; tăng cường vai trò quản lý nhà nước về quan hệ lao động; nâng cao vai trò trách nhiệm của tổ chức đại diện người lao động; hoàn thiện các thiết chế về giải quyết tranh chấp lao động.

b) Giáo dục nghề nghiệp

Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, phân bố giữa các vùng, miền, ngành nghề, trình độ đào tạo đang được triển khai, tiến hành sắp xếp, tổ chức các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động nhằm giảm đầu mối, nâng cao hiệu quả hoạt động, khắc phục chùng chေo, dàn trải, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ; tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phát triển có hiệu quả sau sắp xếp.

Để tránh tình trạng mất cân đối trong cơ cấu đào tạo, việc xác định kế hoạch tuyển sinh trung cấp, cao đẳng hàng năm được xác định dựa trên cơ sở số lượng người học tốt nghiệp trình độ văn hóa trung học phổ thông và trung học cơ sở sẵn sàng tham gia vào giáo dục nghề nghiệp, tuyển sinh đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên phải bao gồm cả việc đào tạo lại, truyền nghề, bồi dưỡng, kèm cặp nâng bậc thợ, đào tạo cho lao động nông thôn. Đối với cơ cấu đào tạo theo ngành, nghề đào tạo sẽ phụ thuộc vào nhu cầu sử dụng lao động của xã hội và do điều tiết tự nhiên của thị trường lao động. Tăng cường hoạt động gắn kết cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, đề nghị doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trong đó chỉ rõ những lợi ích của doanh nghiệp, nhất là các chính sách ưu đãi về thuế khi doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đào tạo gắn với kết quả đầu ra; triển khai các chương trình đào tạo nghề nghiệp theo đơn đặt hàng đáp ứng nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp (phần đầu năm 2018 đào tạo cho khoảng 150 ngàn người), đã có những trường nhận đặt hàng đào tạo từ doanh nghiệp với quy mô hàng chục ngàn lao động trong giai đoạn 2018-2020.

Để tăng chất lượng, kỹ năng thực hành, đổi mới chương trình, giáo trình đào tạo, chuẩn hóa các điều kiện giáo dục nghề nghiệp, mở rộng hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo tập trung đổi mới mạnh mẽ chương trình đào tạo theo hướng tăng nội dung thực hành, gắn kết chặt chẽ hơn với thực tế, đáp ứng nhu cầu thị trường, huy động các doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề; chuẩn hóa, đổi mới chương trình đào tạo, theo kế hoạch, trong năm 2018 sẽ ban hành 160 chuẩn đầu ra, ban hành 67 định mức kinh tế kỹ thuật, 40 chương trình, tài liệu bồi dưỡng kỹ năng nghề theo Tiêu chuẩn

kỹ năng nghề quốc gia/Tiêu chuẩn nghề quốc gia, 40 chương trình, tài liệu bồi dưỡng công nghệ mới, đổi mới phương pháp sư phạm cho nhà giáo giáo dục nghề nghiệp trong năm 2018; tiếp tục xem xét, cấp giấy chứng nhận đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho các tổ chức đủ điều kiện.

c) Quản lý lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả, phát triển thị trường bền vững đối với hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, công tác phát triển thị trường lao động ngoài nước đã được đặc biệt coi trọng, nghiên cứu nhu cầu, chính sách và pháp luật về tiếp nhận lao động nước ngoài của các nước để thực hiện các biện pháp mở thị trường lao động; tổ chức các hoạt động với các nước để khảo sát thị trường, đàm phán hợp tác tiếp nhận lao động Việt Nam; cung cấp cho các doanh nghiệp thông tin về pháp luật, nhu cầu nhận lao động của các nước; hướng dẫn, tạo điều kiện để các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ tìm đối tác, khai thác và ký kết hợp đồng đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài, hỗ trợ doanh nghiệp thẩm định tư cách pháp nhân và khả năng tiếp nhận lao động của các đối tác trong những trường hợp cần thiết.

Về cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động tiếp nhận đăng ký hợp đồng cho doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, đối với thủ tục đăng ký hợp đồng hiện nay, Luật quy định xử lý trong 10 ngày nhưng tại một số thị trường như Đài Loan, việc trả lời đăng ký hợp đồng chỉ mất 02 - 03 ngày làm việc. Đây là một trong những hoạt động tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp. Ngoài ra, hiện nay hệ thống cơ sở dữ liệu của Cục Quản lý lao động ngoài nước đã bắt đầu được đưa vào vận hành, các doanh nghiệp bước đầu chuyển sang sử dụng đăng ký hợp đồng trực tuyến. Toàn bộ hoạt động đăng ký hợp đồng sẽ được thực hiện theo hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 rất thuận tiện cho doanh nghiệp, không mất thời gian đi lại để nộp hồ sơ, chỉnh sửa hồ sơ cũng như tiếp nhận kết quả.

Để kiểm định chất lượng, việc đánh giá chất lượng đào tạo nghề, ngoại ngữ cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo xây dựng các văn bản quy định cụ thể về chương trình đào tạo, nội dung và thời lượng đào tạo, về cấp chứng chỉ. Nhiều tài liệu giáo dục định hướng cho các thị trường tiếp nhận lao động đã được ban hành. Nhiều doanh nghiệp đã đầu tư xây dựng cơ sở dạy nghề để đào tạo người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài. Một số doanh nghiệp đã chủ động xây dựng tài liệu bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho phù hợp với tình hình thực tiễn cũng như bổ sung phương pháp giảng dạy tích cực, phù hợp với đối tượng người lao động.

Từ năm 2010 đến nay, số lượng lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài ngày càng gia tăng, đặc biệt liên tục từ năm 2014 đến nay, số lao động đi làm việc ở nước ngoài luôn vượt 100.000 người, năm sau cao hơn năm trước. Công tác quản lý lao động ở nước ngoài đã thường xuyên được củng cố, tăng cường, đã xây dựng hệ thống quản lý lao động ở các nước có nhiều lao động

Việt Nam làm việc, bao gồm Cơ quan đại diện, Ban Quản lý lao động hoặc cán bộ chuyên trách quản lý lao động tại Cơ quan đại diện và đại diện của các doanh nghiệp. Tình hình và giải pháp quản lý người dân vùng biên giới đi làm việc tự do không có hợp đồng lao động tại nước bạn có tính chất đặc thù, Chính phủ đang nghiên cứu để có cơ chế quản lý phù hợp với đặc điểm lao động từng vùng, quy định của pháp luật nước bạn để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động lao động vùng biên. Vấn đề lao động đường biên là vấn đề nổi cộm đặc biệt là ở biên giới với Trung Quốc. Đến nay, giữa Việt Nam và Trung Quốc chưa có thỏa thuận quốc tế hợp tác về lao động. Tuy nhiên, Chính phủ đã giao cho 07 địa phương là Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn và Quảng Ninh đàm phán ký Thỏa thuận với các địa phương vùng giáp biên của Trung Quốc về việc quản lý lao động qua biên giới làm việc. Nội dung cơ bản của Thỏa thuận quy định về phạm vi và đối tượng liên quan đến Thỏa thuận, hợp đồng lao động, thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi, mức lương, cơ quan quản lý người lao động của hai bên, thủ tục xuất nhập cảnh và trách nhiệm của các bên trong việc giải quyết tranh chấp, phát sinh giữa người lao động và người sử dụng lao động.

Trong giai đoạn 2010-2017, đã thực hiện thanh, kiểm tra trên 300 lượt doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Theo đó, đã xử phạt vi phạm hành chính đối với 107 doanh nghiệp với tổng số tiền phạt là trên 6 tỷ đồng. Ngoài ra, giai đoạn 2010-2017, cũng đã tiếp nhận 1.166 đơn khiếu nại về hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài và 02 đơn tố cáo. Nội dung đơn thư chủ yếu liên quan đến chế độ cho người lao động đang làm việc ở nước ngoài như tiền lương, việc làm không đầy đủ, không đúng theo hợp đồng đã ký, lao động về nước trước thời hạn không được giải quyết thỏa đáng, một số lao động đã nộp tiền để đi làm việc ở nước ngoài, chờ lâu không được xuất cảnh, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có công văn hướng dẫn, chỉ đạo các doanh nghiệp kiểm tra, có biện pháp giải quyết vụ việc kịp thời, đảm bảo quyền lợi chính đáng của người lao động, không để tình trạng khiếu kiện kéo dài, đồng thời thông báo cho người có đơn biết để liên hệ trực tiếp với doanh nghiệp có liên quan để giải quyết.

d) Chăm sóc, bảo vệ quyền trẻ em

Về cơ bản, quy định pháp lý về bảo vệ trẻ em, trong đó có phòng ngừa, phát hiện, hỗ trợ trẻ em bị bạo lực, xâm hại đã được đổi mới để đáp ứng việc giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tế và tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế. Đặc biệt, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình và cá nhân về bảo vệ trẻ em được quy định cụ thể. Tổ chức kiểm tra các tỉnh, thành phố việc thực hiện chính sách, pháp luật, chương trình về bảo vệ trẻ em; phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan báo cáo các cơ quan của Quốc hội, trả lời chất vấn đại biểu Quốc hội, trả lời cử tri về việc chấp hành các quy định của pháp luật, thực hiện các giải pháp về bảo vệ trẻ em, phòng ngừa, xử lý các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em và đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em.

Cơ quan chức năng đã xây dựng kế hoạch, triển khai truyền thông về các giải pháp phòng, chống bạo lực xâm hại trẻ em, các nội dung phổ biến kiến thức, kỹ năng về bảo vệ trẻ em, phòng ngừa bạo lực, xâm hại trẻ em; phát hiện, lên án các hành vi bạo lực, xâm hại trẻ em, bảo đảm quyền bí mật đời sống riêng tư của trẻ em. Thông tin, quảng bá về Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em (số 111) trên các kênh truyền thông đại chúng và mạng xã hội. Hàng năm, phát động và triển khai Tháng hành động vì trẻ em nhằm tăng cường truyền thông, vận động xã hội, thúc đẩy phong trào “Toàn dân chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em” với các chủ đề “Triển khai Luật trẻ em và phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em” (năm 2017), “Vì cuộc sống an toàn, lành mạnh cho trẻ em” (năm 2018).

Tăng cường trách nhiệm của các cơ quan hữu quan trong việc ngăn ngừa, phát hiện, xử lý tin báo, tố giác, điều tra, truy tố, xét xử các vụ xâm hại trẻ em; nghiên cứu xây dựng quy trình nghiệp vụ đặc thù trong điều tra, truy tố, xét xử các hành vi xâm hại trẻ em, Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em (số điện thoại 111) thực hiện việc tiếp nhận thông tin, thông báo, tố giác vụ việc xâm hại trẻ em được Luật trẻ em và Nghị định số 56/2017/NĐ-CP quy định. Thông tin được tiếp nhận trực tiếp từ các cuộc gọi đến và chủ động khai thác qua phản ánh của báo chí, mạng xã hội. Trong tháng 8 năm 2018, ngay sau Hội nghị trực tuyến toàn quốc về công tác bảo vệ trẻ em, đã tổ chức kiểm tra, hướng dẫn một số địa phương (Đắk Lắk, Đắk Nông, Đồng Tháp, thành phố Hồ Chí Minh) và tổ chức hội thảo bàn giải pháp trong công tác phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại, tập trung vào đối tượng trẻ em bị bóc lột, bị dụ dỗ, lôi kéo tham gia lao động trái quy định của pháp luật.

Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội chủ trì xây dựng Đề án “Vận động nguồn lực xã hội để hỗ trợ chăm sóc trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi”, trọng tâm hỗ trợ bữa ăn dinh dưỡng, sữa học đường, xây dựng điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em trong trường học, cung cấp đồ ấm mùa đông, yêu cầu Bộ hoàn thiện hồ sơ Đề án trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong tháng 10 năm 2018.

Công tác phối hợp liên ngành về thực hiện quyền trẻ em, phát huy vai trò, trách nhiệm của Ủy ban Quốc gia về trẻ em, trên cơ sở Kế hoạch hoạt động năm 2018 của Ủy ban quốc gia về trẻ em, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương triển khai công tác trẻ em năm 2018, thường xuyên đôn đốc việc thực hiện trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương trong việc bảo đảm quyền trẻ em, đặc biệt trong các vấn đề phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em và phòng, chống đuối nước. Ngày 06 tháng 8 năm 2018, Ủy ban Quốc gia về trẻ em đã tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc về công tác bảo vệ trẻ em với 675 điểm cầu, với sự tham gia của nhiều Bộ, ngành, địa phương; đặc biệt là sự tham gia của 3 cấp chính quyền, tỉnh, huyện, xã với khoảng 18.000 người tham dự trực tuyến trong cả nước. Tại Hội nghị, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền rà soát các quy định bảo đảm phù hợp với Luật trẻ em, tiếp tục hoàn thiện

theo hướng xử lý các vụ việc xâm hại trẻ em phải nhanh chóng, thuận lợi, thân thiện và bảo đảm lợi ích tốt nhất cho trẻ em, cụ thể rõ ràng các nhiệm vụ theo chức năng của các cơ quan, chính quyền. Cần nâng cao hiệu lực của các việc xử lý, điều tra vụ việc liên quan đến trẻ em.

4. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo

a) Chính sách pháp luật về giáo dục và đào tạo

Kết quả rà soát văn bản về giáo dục và đào tạo do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành có 498 văn bản, trong đó số văn bản kiến nghị sửa đổi, bổ sung là 37 văn bản (lĩnh vực giáo dục dân tộc là 13 văn bản); số văn bản kiến nghị ban hành văn bản thay thế là 11 văn bản; số văn bản kiến nghị ban hành mới là 09 văn bản (lĩnh vực giáo dục dân tộc là 03 văn bản); số văn bản kiến nghị bãi bỏ là 03 văn bản; số văn bản kiến nghị công bố hết hiệu lực là 08 văn bản.

Thời gian qua, công tác phát triển giáo dục đào tạo vùng dân tộc thiểu số, miền núi đã được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm. Nhiều chính sách được ban hành đã nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục của con em đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là đối với các dân tộc thiểu số rất ít người, góp phần to lớn vào sự nghiệp phát triển của giáo dục đào tạo vùng dân tộc thiểu số, miền núi. Hệ thống chính sách về giáo dục dân tộc đã được quan tâm cả về chính sách đối với cơ sở giáo dục, chính sách đối với người học và chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên công tác ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi.

Thực hiện Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội năm 2018 và điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2017, Chính phủ đã giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục (hiện nay là Luật Giáo dục (sửa đổi) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học. Việc xây dựng 02 Dự án Luật đã đảm bảo tuân theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Để kịp thời sửa đổi, ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn, quy định chi tiết Luật Giáo dục (sửa đổi) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, Thủ tướng Chính phủ đã giao cơ quan soạn thảo rà soát và dự thảo các văn bản hướng dẫn liên quan đến 02 dự án Luật để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế những văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành hoặc đang soạn thảo cho phù hợp với quy định của Luật Giáo dục (sửa đổi) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

b) Giáo dục đại học

Về đề án quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học và đào tạo giáo viên, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang khẩn trương triển khai xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học và đào tạo giáo viên

giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2035, bảo đảm triển khai theo quy định chung tại Luật Quy hoạch và được tích hợp với Quy hoạch tổng thể quốc gia và quy hoạch đất quốc gia.

Để xây dựng Chương trình đào tạo đại học theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và hội nhập quốc tế, hiện nay các cơ sở giáo dục đại học tự chủ trong việc phát triển chương trình đào tạo nhưng phải đáp ứng yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Sau khi chương trình được xây dựng xong, hội đồng chuyên môn gồm tối thiểu 05 thành viên đúng thành phần quy định thực hiện thẩm định chương trình. Khi xây dựng/cập nhật/thẩm định chương trình đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học đều phải mời đại diện của đơn vị sử dụng lao động tương lai (sản phẩm đào tạo) cùng tham gia và phải đối chiếu, so sánh với chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành/chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài nhằm đảm bảo chương trình đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động và hội nhập quốc tế.

Chất lượng giáo dục đại học đã được cải thiện một bước, được thế giới công nhận thông qua kiểm định chất lượng và xếp hạng đại học quốc tế. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng chỉ đạo kiên quyết giải thể các cơ sở đào tạo đại học chất lượng yếu, kém. Ngày 18 tháng 5 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã có Công văn số 639/TTg-KGVX đồng ý hủy bỏ các văn bản phê duyệt chủ trương thành lập, chủ trương cho phép thành lập đã quá thời hạn theo quy định đối với 13 trường đại học.

Đào tạo và nghiên cứu khoa học là hai trụ cột của các trường đại học, nhiều chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục đại học đã được xây dựng, góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực đáp ứng được nhu cầu của xã hội, nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia; đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Kết quả thực hiện các chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học đã góp phần khẳng định uy tín và thứ hạng của các trường đại học. Về chính sách thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo trong sinh viên các trường đại học, ngày 30 tháng 10 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025”. Về thu hút đầu tư, hợp tác quốc tế trong giáo dục đào tạo chất lượng cao, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 thay thế Nghị định số 73/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2012 quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục với nhiều nội dung cởi mở, thông thoáng hơn đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Thúc đẩy phát triển một số cơ sở giáo dục đại học, ngành đào tạo ngang tầm khu vực, quốc tế và cơ sở đào tạo giáo viên chất lượng cao, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo triển khai xây dựng Đề án Nâng cao chất lượng giáo dục

đại học giai đoạn 2018 - 2025 tầm nhìn 2030. Đồng thời đẩy mạnh thực hiện Đề án hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025, khuyến khích đào tạo gắn với yêu cầu thực tiễn của doanh nghiệp; cho phép các cơ sở đào tạo được đào tạo bằng hai sinh viên chưa tìm được việc làm vào học các ngành có nhu cầu nhân lực cao như công nghệ thông tin, du lịch. Để có định hướng, cơ sở cho việc phát triển hệ thống giáo dục đại học của nước ta trong dài hạn, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã hoàn thiện dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, trình Quốc hội và đang phối hợp với Ngân hàng Thế giới triển khai xây dựng Chiến lược tổng thể phát triển giáo dục đại học giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2035.

Để đẩy mạnh việc thực hiện tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học công lập, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học đã chỉnh lý theo hướng giải thích rõ khái niệm tự chủ; chỉnh sửa nội dung Điều 32 về quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục đại học theo hướng quy định rõ các điều kiện để được tự chủ; cụ thể hóa các nội dung tự chủ về chuyên môn, tổ chức, nhân sự, tài chính và tài sản; chi tiết hóa nội dung về trách nhiệm giải trình và yêu cầu đặt ra đối với cơ sở giáo dục đại học khi thực hiện tự chủ. Về đổi mới cơ chế học phí, Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5 năm 2017 đã chỉ đạo xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 để bổ sung chính sách miễn học phí cho đối tượng trẻ mầm non 5 tuổi ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Năm 2018, với sự phối hợp chỉ đạo tổ chức của các bộ, ngành, cơ quan liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Kỳ thi THPT quốc gia đã tổ chức cơ bản đáp ứng mục tiêu đổi mới thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học, cao đẳng; các khâu tổ chức thi được đa số các địa phương nghiêm túc thực hiện, đảm bảo Kỳ thi diễn ra nhẹ nhàng, giảm áp lực, đỡ tốn kém cho xã hội. Trước những sai phạm trong khâu chấm thi tại một số địa phương, Thủ tướng Chính phủ cũng đã nghiêm khắc phê bình, yêu cầu kiểm điểm trách nhiệm của Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh các địa phương xảy ra sai phạm và có biện pháp xử lý phù hợp theo quy định; đồng thời yêu cầu Bộ GDĐT phát huy ưu điểm của kỳ thi THPT quốc gia những năm qua, tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy trình kỹ thuật đảm bảo giám sát chặt chẽ, khách quan, minh bạch đối với tất cả các khâu của Kỳ thi. Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức sơ kết, đánh giá việc tổ chức Kỳ thi THPT quốc gia và xét tuyển sinh vào đại học, cao đẳng 2018 nhằm phát huy ưu điểm của Kỳ thi trong những năm qua và tiếp tục hoàn thiện quy trình kỹ thuật đảm bảo giám sát chặt chẽ, khách quan, minh bạch đối với tất cả các khâu của Kỳ thi trong những năm tới.

Trên cơ sở đó, phương thức tổ chức kỳ thi THPT quốc gia sẽ được tiếp tục thực hiện trong năm 2019 và các năm tiếp theo với những điều chỉnh kỹ thuật trên cơ sở rút kinh nghiệm công tác tổ chức thi và tuyển sinh năm 2018, nhất là khâu chấm thi, cho đến khi áp dụng đầy đủ chương trình giáo dục phổ thông mới.

Về chính sách thu hút học sinh giỏi vào học ngành sư phạm, Dự thảo Luật Giáo dục (sửa đổi) đề xuất thay thế quy định miễn học phí cho học sinh, sinh viên sư phạm bằng quy định được vay tín dụng sư phạm để đóng học phí và chi trả sinh hoạt phí. Sau khi tốt nghiệp, nếu công tác trong ngành giáo dục đủ thời gian theo quy định sẽ không phải trả khoản vay tín dụng sư phạm.

Rà soát, hoàn thiện quy trình, thủ tục và công khai việc công nhận văn bằng, học vị, chức danh giảng viên đại học, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo tập trung sửa đổi quy trình, thủ tục để tạo thuận lợi cho người làm thủ tục, bỏ thủ tục xác nhận của cơ sở giáo dục nước ngoài nơi đã học tập, giấy nộp luận án vào thư viện quốc gia; người dân có thể nộp hồ sơ online hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện, hoặc đến nộp trực tiếp với thủ tục nhanh gọn, thuận tiện; công bố thông tin trên website của Trung tâm Công nhận văn bằng; trang thông tin bằng tiếng Anh để cung cấp danh sách các trường Đại học của Việt Nam hoạt động hợp pháp; thông tin về hệ thống giáo dục, khung trình độ quốc gia, các trường và chương trình được kiểm định để cung cấp cho đối tác nước ngoài cần biết về thông tin.

c) Triển khai thực hiện chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Thực hiện Nghị quyết 51/2017/QH14, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2018 về việc đẩy mạnh thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; rà soát, điều chỉnh kế hoạch thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo các Nghị quyết của Quốc hội. Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang hoàn thiện Thông tư ban hành chương trình giáo dục phổ thông mới bao gồm chương trình tổng thể và chương trình các môn học, hoạt động giáo dục và sẽ ban hành trong tháng 10 năm 2018. Sau khi ban hành chương trình giáo dục phổ thông mới, Chính phủ sẽ quyết định lộ trình áp dụng trong thời gian Quốc hội cho phép tại Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội, đồng thời đảm bảo chất lượng chương trình, sách giáo khoa mới cùng với việc chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện nhằm đảm bảo sự thành công khi triển khai áp dụng.

Đồng thời chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo rà soát quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục phổ thông gắn với các điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở vật chất, số lượng, cơ cấu, chất lượng giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành đầy đủ các quy định về chuẩn, quy chuẩn, tiêu chuẩn đối với cơ sở vật chất và thiết bị dạy học cho các trường mầm non và phổ thông và các văn bản hướng dẫn để các địa phương thực hiện; chủ động ban hành các văn bản hướng dẫn các địa phương

thực hiện chương trình và sách giáo khoa mới theo lộ trình. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành chuẩn nghề nghiệp giáo viên và chuẩn hiệu trưởng trường phổ thông; chỉ đạo các địa phương rà soát, đánh giá năng lực của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục theo chuẩn; xây dựng tài liệu để bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

d) Giáo dục mầm non

Năm 2017 toàn ngành Giáo dục đã hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Tỷ lệ huy động trẻ từ 3 đến 5 tuổi được học mẫu giáo từng bước nâng lên, việc chăm sóc, giáo dục 2 buổi/ngày cho trẻ em đã được thực hiện tốt hơn. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các địa phương rà soát các điều kiện, tiêu chuẩn phổ cập cho trẻ em mầm non 5 tuổi để có các giải pháp đầu tư, thúc đẩy thực hiện phổ cập theo đúng lộ trình. Nhiều tỉnh, thành phố đã ban hành chính sách, đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng trường chuẩn quốc gia, hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non.

Tháng 8/2018, Chính phủ đã thống nhất chủ trương thực hiện chính sách miễn học phí đối với trẻ em mầm non 5 tuổi và hỗ trợ đóng học phí cơ sở ngoài công lập đối với trẻ em diện phổ cập, nhất là đối với các thôn, xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ mầm non ngày càng được nâng lên, các điều kiện đảm bảo chất lượng được tăng cường; tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển giáo dục mầm non. Tiếp tục triển khai hiệu quả các chương trình, đề án phát triển giáo dục mầm non và tăng cường các biện pháp quản lý, kiểm tra, giám sát, chấn chỉnh các hoạt động đối với các cơ sở giáo dục mầm non nhằm bảo đảm an toàn cho trẻ

Quản lý chặt chẽ việc cấp phép, tiêu chuẩn, điều kiện hoạt động và hoạt động đối với giáo dục mầm non, tổ chức rà soát, điều chỉnh chuẩn nghề nghiệp giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non với các tiêu chí, các mức độ đánh giá phù hợp với thực tiễn theo hướng tiếp cận năng lực, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, giúp giáo viên tự đánh giá, tự học nhằm nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ. Trên cơ sở chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, các cơ sở đào tạo xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho phù hợp, hướng tới giáo viên mầm non phải đạt chuẩn trình độ cao đẳng.

đ) Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã quan tâm chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo rà soát, hoàn thiện tiêu chuẩn nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên theo bậc học, cấp học; tăng cường quản lý, sắp xếp, đánh giá đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý theo tiêu chuẩn nghề nghiệp; rà soát công tác quản lý, sử dụng biên chế, tuyển dụng giáo viên; nâng cao tinh thần trách nhiệm, phẩm chất đạo đức

của đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; phát huy dân chủ, thực hiện nền nếp, kỷ cương trường học. Tăng cường chỉ đạo tiên hành rà soát, sắp xếp hệ thống các cơ sở giáo dục, đồng thời bố trí, sắp xếp đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục một cách hợp lý, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và theo đúng các quy định hiện hành. Đồng thời, căn cứ các chuẩn nghề nghiệp giáo viên và cán bộ quản lý, các địa phương rà soát, đánh giá thực trạng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục hiện có; từ đó, xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục theo chuẩn quy định đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo. Rà soát công tác quản lý, sử dụng biên chế, tuyển dụng giáo viên, tiến hành thống kê số liệu đội ngũ, nâng cao tinh thần trách nhiệm, phẩm chất của đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1299/QĐ-TTg ngày 03 tháng 10 năm 2018 phê duyệt Đề án “Xây dựng văn hoá ứng xử trong trường học”; chỉ đạo sửa đổi, bổ sung các nội dung về đạo đức nhà giáo, đưa quy tắc ứng xử vào trong quy chế làm việc; phát huy dân chủ trường học.

g) Thanh tra, kiểm tra hoạt động giáo dục

Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động giáo dục đào tạo, xác định nhiệm vụ công tác thanh tra năm học của các Sở Giáo dục và Đào tạo là tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về giáo dục; tổ chức thanh tra có trọng tâm, trọng điểm trong đó tập trung thanh tra, kiểm tra các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, việc thực hiện cơ chế tự chủ, vấn đề dân chủ trong nhà trường, hoạt động liên kết đào tạo, văn bằng chứng chỉ, công tác thi, công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học, tình trạng lạm thu, dạy thêm học thêm, an toàn trường học, đạo đức lối sống của học sinh, sinh viên và giáo viên. Tháng 9 năm 2018, đã tổ chức 02 đoàn kiểm tra công tác thu chi đầu năm học 2018-2019 tại Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, đã lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính đối với 02 đối tượng kiểm tra và đang tiếp tục thành lập một số đoàn kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ đầu năm học 2018-2019 tại một số địa phương.

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra việc giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; kịp thời nắm bắt các thông tin xử lý tại địa phương và tôn vinh, tuyên dương, khen thưởng, tuyên truyền rộng rãi trong toàn ngành các tấm gương người tốt, việc tốt.

Thường xuyên rà soát, thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp tiêu cực trong việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ; xử lý theo pháp luật việc làm giả văn bằng, chứng chỉ và việc sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả đối với các trường hợp vi phạm. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm đạo đức của cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, phụ huynh học sinh và học sinh, sinh viên.

Chính phủ trân trọng báo cáo Quốc hội việc thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề, hoạt động chất vấn và nghiêm túc tiếp thu ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội để chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện trong thời gian tới./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch Quốc hội;
- HĐDT và các UB của QH;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- VPQH: HC (5b), PVHĐGS;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý, Thư ký của TTg và các PTTg, các Vụ, Cục: KTTH, KGVX, NN, CN, ĐMDN, NC, PL, TCCV, TH, TKBT, V.I, KSTT, TGD Công TTĐT;
- Lưu: VT, QHĐP (2b). NQ. 5a



Mai Tiên Dũng